

Đặc san

# GIÁO DỤC ĐẠI HỌC QUỐC TẾ

International Higher Education

No.93  
(#2-2018)





## FPT Edu đón gần 700 lượt sinh viên trao đổi quốc tế trong năm 2018

Tại Hè năm 2018, Trung tâm Trao đổi sinh viên quốc tế FPT thuộc Tổ chức Giáo dục FPT liên tiếp đón nhận tin vui về các đoàn sinh viên quốc tế đến học tập trao đổi. Gần 100 sinh viên Nhật sẽ sang tham gia các chương trình học tiếng Anh, thực tập và học IT ngắn hạn tại Đà Nẵng trong tháng 8 và tháng 9/2018. Trong đó đặc biệt có trường đối tác lần đầu tiên gửi tới một nhóm hơn 50 sinh viên. Cuối tháng 8, một nhóm 38 sinh viên và 3 giáo viên từ một trường đại học hàng đầu của Hàn Quốc cũng sẽ tham gia một chương trình giao lưu học tập tại FPT Edu Đà Nẵng trong vòng 1 tuần. Ngoài ra, ngay từ đầu tháng 8, một nhóm 33 sinh viên Brunei tham gia chương trình tình nguyện vì cộng đồng cũng sẽ có mặt và lưu lại Đà Nẵng trong 4 tháng. Tới cuối năm 2018, FPT Edu cũng sẽ tiếp nhận thêm hai đoàn sinh viên Úc học về IT và tham gia chương trình thực tập sinh toàn cầu tại Hà Nội, Đà Nẵng cũng như các nhóm sinh viên trao đổi từ châu Âu, Nhật, Đài Loan tham gia học tập trong một học kỳ.

Dự kiến trong cả năm 2018, Trung tâm Trao đổi sinh viên quốc tế FPT sẽ đón gần 700 lượt sinh viên trao đổi quốc tế, sớm hướng tới mục tiêu vượt ngưỡng 1.000 lượt sinh viên nước ngoài tới học tập ngắn hạn trong một năm vào năm 2019.

Được biết, Trường Đại học FPT đã bắt đầu các nỗ lực thu hút sinh viên ngoại thông qua các chương trình trao đổi sinh viên từ năm 2013. Năm 2016, trường thành lập Trung tâm Trao đổi sinh viên quốc tế FPT tại Đà Nẵng với kỳ vọng biến Đà Nẵng trở thành nơi thu hút sinh viên trao đổi quốc tế hàng đầu trong khu vực. Từ năm 2016 tới nay, mỗi năm Trung tâm Trao đổi sinh viên quốc tế FPT thu hút từ 300 – 500 lượt sinh viên nước ngoài, chủ yếu từ Nhật Bản, Úc, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan, Brunei, Hoa Kỳ... tới tham gia các chương trình học tập, thực tập ngắn hạn. Đất nước tươi đẹp, chương trình linh hoạt, chi phí phải chăng và môi trường tiếng Anh năng động mà Tổ chức Giáo dục FPT tạo ra từ cộng đồng sinh viên là những yếu tố hấp dẫn để thu hút sinh viên quốc tế.

## 6 tháng đầu năm 2018, sinh viên FPT đặt chân đến 7 quốc gia trên thế giới

**Chi riêng trong 6 tháng đầu năm 2018, Trường Đại học FPT ghi nhận hơn 300 sinh viên đi học tập, trao đổi và trải nghiệm tại 7 quốc gia trên thế giới.**

Đất nước đón nhiều lượt sinh viên FPT sang học tập trao đổi nhất là Nhật Bản và Malaysia. Tiếp sau đó là Thái Lan, Brunei, Đài Loan, Hàn Quốc và Philippines. Tại những quốc gia này, sinh viên FPT theo học các chương trình như một học kỳ học tại nước ngoài, chương trình học tiếng Anh, chương trình trao đổi sinh viên, hoặc các chương trình thực tập sinh quốc tế.

Đặc biệt, bên cạnh các chương trình học tập kiến thức, sinh viên còn có thể đăng ký tham gia các chương trình trải nghiệm văn hoá tại nước bạn để từ đó học được kỹ năng sống cần thiết của một công dân toàn cầu. Đây đều là những chương trình được Tổ chức Giáo dục FPT thiết kế riêng để phù hợp với sinh viên FPT, nhằm tạo điều kiện, khuyến khích và động viên sinh viên bước chân ra thế giới, tích cực bồi đắp các trải nghiệm trong môi trường quốc tế.

Được biết, Quốc tế hoá giáo dục là một trong những chiến lược phát triển quan trọng của Tổ chức Giáo dục FPT. Mong muốn của Tổ chức Giáo dục FPT là mỗi sinh viên FPT trong thời gian theo học tại trường sẽ có ít nhất một lần xuất ngoại theo chương trình của nhà trường.

Tới thời điểm hiện tại, Tổ chức Giáo dục FPT có quan hệ hợp tác với hơn 60 trường đại học ở hơn 20 quốc gia trên toàn thế giới; và hằng năm có hơn 100 chương trình lớn nhỏ để đưa sinh viên trong nước đi học tập tại nước ngoài, cũng như đón các sinh viên quốc tế về học tập và trải nghiệm trong môi trường giáo dục của FPT Edu.



Các sinh viên Quốc tế theo học tại Đại học FPT

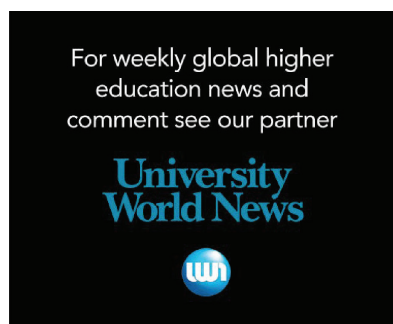


Sinh viên FPT tham gia chương trình trải nghiệm tại Đài Loan

*Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế* (tên tiếng Anh là *International Higher Education*, viết tắt là IHE) là ấn phẩm định kỳ hàng quý của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế (CIHE).

Tạp chí phản ánh sứ mệnh của Trung tâm nhằm tạo tầm nhìn quốc tế hỗ trợ cho việc xây dựng và thực thi chính sách một cách sáng suốt. Thông qua *Tạp chí Giáo dục Đại học Quốc tế*, mạng lưới các học giả trên thế giới cung cấp thông tin và bình luận về những vấn đề chính yếu của giáo dục đại học toàn cầu. IHE được xuất bản bằng Tiếng Anh, Hoa, Pháp, Nga, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Việt Nam. Độc giả có thể xem các ấn bản điện tử này tại <http://ejournals.bc.edu/ojs/index.php/ihe>.

Hợp tác với **University World News (UWN)** Từ tháng 1/2017, CIHE đã hợp tác với UWN - một bản tin cùng các bình luận trực tuyến được phổ biến rộng rãi về bức tranh hiện tại của giáo dục đại học quốc tế. Chúng tôi hân hạnh được tích hợp các nội dung của UWN trên IHE và ngược lại - tích hợp các nội dung của IHE trên Website và bản tin hàng tháng của UWN.



Đăng ký tạp chí IHE tại  
[ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn)

### Các vấn đề quốc tế

- 2 Có phải chúng ta đang đối mặt với thách thức cơ bản của quốc tế hoá giáo dục đại học?  
Philip G. Altbach và Hans de Wit
- 4 Đào tạo lãnh đạo đại học: bức tranh toàn cầu và sự thiếu hụt  
Laura E. Rumbley, Hilligje van't Land và Juliette Becker

### Kinh nghiệm thực tiễn

- 6 Hội nghị giả mạo: hiện tượng ăn thịt đồng loại trong học thuật  
James McCrostie
- 8 Chống tham nhũng trong học thuật: đảm bảo chất lượng và kiểm định  
Judith S. Eaton

### Suy giảm dịch chuyển sinh viên quốc tế

- 10 Những thay đổi trong dịch chuyển sinh viên quốc tế  
Dirk van Damme
- 12 Thu hút và duy trì tài năng toàn cầu: sinh viên cao học quốc tế tại Hoa Kỳ  
Rajika Bhandari

### Phân hiệu đại học

- 14 Phân hiệu đại học quốc tế: định nghĩa mới  
Stephen Wilkins và Laura E. Rumbley
- 16 Phân hiệu đại học quốc tế: các yếu tố thành công  
Richard Garrett

### Công nợ sinh viên: chính sách và hậu quả

- 18 Vay nợ để học đại học ở Hoa Kỳ: mỹ từ và thực tế  
Sandy Baum
- 20 Vay học phí tín chấp bằng thu nhập tương lai (ICL): không phải là giải pháp thần kỳ  
Ariane de Gayardon

### Giáo dục đại học tư thực

- 22 Giáo dục đại học tư thực châu Phi: chính sách tiến bộ và quan điểm nước đôi  
Wondwosen Tamrat và Damtef Teferra
- 24 Giáo dục tư ở Mexico tăng trưởng mạnh và bền vững: vai trò của chính phủ  
Jorge Arenas và Daniel C. Levy
- 26 Phân tích đối thủ cạnh tranh trong giáo dục đại học ở Ai Cập  
Rami M. Ayoubi và Mohamed Loutfi

### Chủ đề Trung Quốc

- 27 Trung Quốc đóng cửa? Những ảnh hưởng đến các trường đại học trên thế giới  
Philip G. Altbach và Hans de Wit
- 29 Các trường đại học Trung Quốc đã chạm ngưỡng?  
Alex Usher
- 31 Cơ hội của Trung Quốc: khuyến nghị về đổi mới các môn học khai phóng  
Kara A. Godwin và Noah Pickus

### Các nước và khu vực

- 33 Bảng xếp hạng quốc gia mới ở Ấn Độ  
V. Varghese

### Ấn phẩm mới

## Có phải chúng ta đang đối mặt với thách thức cơ bản của quốc tế hoá giáo dục đại học?

**Philip G. Altbach và Hans de Wit**

*Philip G. Altbach là Giáo sư nghiên cứu và Giám đốc sáng lập, Hans de Wit là Giáo sư và Giám đốc - Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. E-mail: altbach@bc.edu; dewitj@bc.edu.*

**B**ức tranh toàn cầu quốc tế hoá giáo dục đại học đang thay đổi đáng kể. Cái mà người ta gọi là "kỷ nguyên quốc tế hoá giáo dục đại học" trong 25 năm qua (1990-2015) giúp định hình tư duy và hành động của các trường đại học có thể đã chấm dứt, hoặc ít ra là đang ở tình trạng cố gắng duy trì. Sự phát triển không ngừng của hiện tượng đa dạng hóa các loại hình quốc tế hóa - gồm dịch chuyển sinh viên toàn cầu với quy mô lớn, mở rộng các phân hiệu các đại học, nhượng quyền thương mại và cấp văn bằng chung, sử dụng tiếng Anh như ngôn ngữ giảng dạy và nghiên cứu trên toàn thế giới và nhiều yếu tố khác - dường như đã kết thúc một cách khá bất ngờ, đặc biệt là ở châu Âu và Bắc Mỹ.

Chủ nghĩa Trump, Brexit và sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc và chính sách chống nhập cư ở châu Âu đang làm thay đổi bức tranh giáo dục đại học toàn cầu. Chúng ta đang chứng kiến việc dịch chuyển cơ bản trong quốc tế hoá giáo dục đại học, đồng nghĩa với việc phải xem xét lại tất cả các dự án quốc tế hóa của các đại học trên toàn thế giới.

### Trước tiên là tin vui

Tri thức vẫn mang tính quốc tế. Hợp tác nghiên cứu xuyên quốc gia tiếp tục tăng. Hầu hết các trường đại học thừa nhận rằng việc cung cấp tầm nhìn quốc tế cho sinh viên là nội dung trung tâm của thế kỷ 21. Sự dịch chuyển sinh viên toàn cầu tiếp tục gia tăng mặc dù với tốc độ chậm hơn so với trước đây - với khoảng 5 triệu sinh viên đang theo học ở nước ngoài. Chương trình hợp tác và dịch chuyển chính của châu Âu là ERASMUS+ vẫn còn vững chắc - và thậm chí có thể nhận thêm nguồn tài trợ. Khu vực ASEAN đang đi theo đường hướng tương tự như Liên minh châu Âu trong việc thúc đẩy hài hoà các cơ cấu học thuật, cải thiện đảm bảo

chất lượng và tăng cường liên kết khu vực trong giáo dục đại học. "Quốc tế hóa tại chỗ" và "Toàn cầu hóa toàn diện" đã đi vào từ vựng của giáo dục đại học trên toàn thế giới.

Những những khuynh hướng tích cực này không che khuất được rằng năm 2018 đang có thêm một số xu hướng đáng lo ngại bổ sung vào thực tiễn 2017. Brexit (Anh ra khỏi Liên minh châu Âu) bùng nổ vào năm 2016, tiếp theo là cuộc bầu cử của Donald Trump - đã làm bộc lộ các vấn đề như đã dự đoán. Ngày càng khó lấy thị thực nhập cảnh, bầu không khí không hoan nghênh người ngoại quốc và các vấn đề khác đang làm suy giảm số lượng sinh viên quốc tế tại Anh quốc và Hoa Kỳ.

Tình hình gần đây cho thấy những xu hướng tương lai có khả năng ảnh hưởng sâu sắc đến các khía cạnh quốc tế của giáo dục đại học - ít nhất là trong trung hạn. Một số ví dụ sau minh họa cho các xu hướng này.

### Hạn chế sinh viên quốc tế và việc sử dụng tiếng Anh

Ở Hà Lan, một nước vốn được coi là có tư tưởng quốc tế cởi mở nhất trên thế giới, bắt đầu diễn ra những tranh luận gay gắt trên các phương tiện truyền thông, trong các chính sách và ngay trong khu vực giáo dục đại học về việc hạn chế quốc tế hóa. Hiệu trưởng Đại học Amsterdam lập luận rằng các chương trình học thuật giảng dạy bằng tiếng Anh trở nên quá phổ biến và nên giảm bớt, rằng đang có quá nhiều sinh viên quốc tế. Lập luận của ông nhận được sự ủng hộ rộng rãi, dẫn đến việc các chương trình này có thể bị thu hẹp và cắt giảm.

Ở các nước khác, bao gồm Đức, Đan Mạch và Italy, cũng diễn ra những cuộc tranh luận về tác động tiêu cực của tiếng Anh đối với chất lượng giảng dạy. Tiếng Anh sẽ vẫn là ngôn ngữ phổ biến của truyền thông và học thuật khoa học, nhưng sự thống trị của nó có thể đã đạt đến mức trần.

---

**Chủ nghĩa Trump, Brexit và sự nổi lên của chủ nghĩa dân tộc và chính sách chống nhập cư ở châu Âu đang làm thay đổi bức tranh giáo dục đại học toàn cầu.**

---

### Những thách thức của giáo dục xuyên quốc gia

Ở một diễn biến khác, dự án thành lập phân



hiệu do Đại học Groningen (Hà Lan) phối hợp với Đại học Nông nghiệp Trung Quốc tại Yên Đài, tỉnh Sơn Đông, đã bắt ngừng thực hiện sau khi các giảng viên và sinh viên ở Groningen phản đối những hạn chế tự do học thuật ở Trung Quốc, và bởi vì thiếu sự tham vấn của địa phương về dự án. Điều này có thể ảnh hưởng đến các chương trình liên kết khác ở Trung Quốc, và có lẽ ở những nơi khác nữa, vì cả hai bên đều xem xét kỹ hơn những hệ quả về cấu trúc, về học thuật và chính sách trong việc phát triển phân hiệu và việc thực hiện các sáng kiến hợp tác khác. Nhìn chung, có thể thời kỳ tăng trưởng của các phân hiệu, các khu vực thu hút giáo dục (educational hub), hoạt động nhượng quyền thương mại và các hình thức giáo dục xuyên quốc gia khác đã qua rồi.

### Tự do học thuật và kiểm soát

Vấn đề về ảnh hưởng của Trung Quốc với giáo dục đại học của Úc cũng được thảo luận rộng rãi. Các nhóm sinh viên Trung Quốc ở Úc và chính phủ Trung Quốc bị buộc tội tìm cách hạn chế những chỉ trích Trung Quốc và phá vỡ tự do học thuật. Kết hợp với những chỉ trích ở Úc và các nước khác - nơi có các Học viện Khổng Tử được Trung Quốc tài trợ để gây ảnh hưởng đến các trường đại học - những xu hướng này phản ánh mối quan tâm ngày càng tăng về ảnh hưởng của Trung Quốc và có thể của các nước khác nữa đối với các trường đại học. Cũng là một lý do mạnh mẽ trong việc hủy bỏ phân hiệu Đại học Groningen và các phân hiệu đại học của Mỹ ở Trung Quốc và Trung Đông, tự do học thuật đang thách thức tương lai của giáo dục xuyên quốc gia và tuyển sinh quốc tế, đặc biệt ở những nước mà tự do học thuật không được đảm bảo.

### Mối quan tâm ngày càng tăng về đạo đức

Chính phủ Đan Mạch phát hiện ra rằng một số sinh viên nước ngoài và sinh viên có gốc nhập cư ở Đan Mạch đã sử dụng địa chỉ giả mạo để nhận tiền trợ cấp sinh viên. Các báo cáo từ một số quốc gia khác cũng tuyên bố rằng sinh viên quốc tế gian lận trong thi cử. Những câu chuyện như vậy làm tăng quan điểm tiêu cực về sinh viên quốc tế.

### Miễn học phí cho sinh viên quốc tế đến hồi kết

Na Uy đã tăng lệ phí visa cho sinh viên quốc tế - một động thái mà các nhà quan sát cho rằng là bước đầu tiên hướng tới thu học phí sinh viên quốc

tế. Hai bang của Đức cũng bắt đầu đặt ra mức phí cho sinh viên quốc tế, một động thái quyết liệt cắt đứt với truyền thống miễn phí trong quá khứ. Các cuộc thảo luận liên quan đến tăng học phí đối với sinh viên nước ngoài trở nên phổ biến, các quốc gia muốn sử dụng nguồn thu từ sinh viên quốc tế để chu cấp cho giáo dục đại học trong nước - một thực tiễn đã được áp dụng tại Úc trong nhiều thập kỷ. Mặc dù những cuộc tranh luận về miễn học phí cho sinh viên bản địa ngày càng căng thẳng hơn bao giờ hết, có vẻ như học phí đối với sinh viên quốc tế đang từng bước được tăng lên.

### Yếu tố quốc xã - dân túy

Sự thành công của phe cánh hữu và các lực lượng dân chủ ở nhiều nước châu Âu sẽ có tác động đáng kể đến chính sách giáo dục đại học, mặc dù các chi tiết cụ thể vẫn chưa rõ ràng. Cuộc tranh cãi liên quan đến Đại học Trung Âu ở Hungary cho thấy chính phủ ngày càng độc tài đang cố gắng tìm cách loại bỏ một trường đại học quốc tế nổi tiếng với quan điểm tự do. Sự ra đời của các chính phủ quốc xã ở Áo, Cộng hòa Séc và Ba Lan có thể sẽ ảnh hưởng đến chính sách giáo dục đại học và giáo dục đại học quốc tế ở các nước này. Ngay cả khi không nắm quyền lực như ở Pháp, Đức, Italy và Hà Lan, và dù ở vị trí chính trị không còn quá quan trọng, tư tưởng của các đảng phái này vẫn tạo ảnh hưởng qua các diễn thuyết công khai. Chính phủ bảo thủ ở Anh vẫn đang phải vật lộn để giải quyết hậu quả tác động của Brexit đến các trường đại học Anh tham gia vào các chương trình châu Âu, và đến tầm quan trọng của sinh viên và giảng viên quốc tế trong nền kinh tế tri thức của nước này.

### Xu hướng chống đối?

Mặc dù ngày càng có nhiều thách thức chính trị, kinh tế và học thuật đối với quá trình quốc tế hóa giáo dục đại học ở châu Âu và Bắc Mỹ, thế giới phi phương Tây ngày càng quan tâm nhiều hơn đến quốc tế hóa. Nhưng ngay cả ở khu vực đó cũng xuất hiện vấn đề. Hai quốc gia lớn nhất là Trung Quốc và Ấn Độ cũng gặp một loạt thách thức.

Nhiều người đã nhận xét rằng ở một số khía cạnh, Trung Quốc đang dần dần "đóng cửa về mặt học thuật", mặc dù số sinh viên trong nước tăng lên đáng kể. Thêm những hạn chế truy cập Internet, nhấn mạnh các nội dung giáo dục ý thức hệ, này

sinh thêm các vấn đề trong tự do học thuật (đặc biệt là trong các ngành khoa học xã hội) và nhiều vấn đề khác nữa.

Lần đầu tiên Ấn Độ đã đưa quốc tế hóa giáo dục đại học thành một mục tiêu chính của chính sách giáo dục quốc gia. Nhưng Ấn Độ thiếu cơ sở hạ tầng thích hợp, phải vật lộn với những vấn đề trong việc định hình các cơ cấu học thuật của mình để có thể tiếp nhận một lượng lớn sinh viên quốc tế, và logistic là thách thức đáng kể.

Rất có thể những sinh viên muốn theo đuổi bằng cấp học thuật nước ngoài hoặc muốn có kinh nghiệm quốc tế sẽ rời bỏ các nước Bắc Mỹ và châu Âu – nơi họ ít được chào đón. Nhưng những quốc gia tiềm năng nơi các sinh viên này hưởng đến cũng có những vấn đề riêng của họ.

### Các nhận thức cần thiết

Điều đầu tiên là những ai tham gia vào quốc tế hóa giáo dục đại học đều phải nhận thức rằng thực tiễn đã thay đổi, và những diễn biến hiện tại cũng như trong tương lai có thể sẽ vượt ra ngoài sự kiểm soát của cộng đồng học thuật.

Những thực tiễn mới mẻ này sẽ có ý nghĩa quan trọng đối với giáo dục đại học nói chung và đặc biệt là với việc quốc tế hóa. Những chỉ trích hiện nay về sự phát triển không giới hạn của việc giảng dạy bằng tiếng Anh, về tuyển sinh quốc tế, và sự nhân rộng của các phân hiệu đại học - đến từ hai nguồn hoàn toàn ngược nhau. Một bên là chủ nghĩa quốc gia - dân túy chống quốc tế hóa và chống nhập cư. Liên quan nhiều đến xu hướng này là những quan tâm về chất lượng, tự do học thuật và đạo đức trong cộng đồng giáo dục đại học. Lời kêu gọi một cách tiếp cận khác, nhấn mạnh hơn đến "Quốc tế hóa tại chỗ" của Hiệu trưởng Đại học Amsterdam, cũng như của Jones và de Wit (UWN số 486), một hướng quốc tế hóa toàn diện hơn, có thể được xem là cơ hội quốc tế hóa với sự dịch chuyển từ số lượng sang chất lượng. Tuy nhiên, nếu chủ nghĩa dân tộc-dân túy chiếm ưu thế thì điều này có thể dẫn đến sự kết thúc của quốc tế hóa. Các nhà lãnh đạo giáo dục đại học trên thế giới cần giữ lập trường vững vàng ủng hộ quan điểm chất lượng.

## Đào tạo lãnh đạo đại học: bức tranh toàn cầu và sự thiếu hụt

**Laura E. Rumbley, Hilligje van't Land và Juliette Becker**

*Laura E. Rumbley là Phó Giám đốc của Trung tâm Giáo dục Đại học quốc tế, Boston College, Hoa Kỳ. E-mail: rumbley@bc.edu. Hilligje van't Land là Tổng thư ký, và Juliette Becker là Nhân viên Phát triển chương trình và Hội viên tại Hiệp hội các trường Đại học Quốc tế, Paris, Pháp. E-mail: h.vantland@iau-aiu.net và j.becker@iau-aiu.net.*

Lãnh đạo thành công các cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh đương đại trên thế giới đòi hỏi một tập hợp các kỹ năng, kiến thức và sự nhạy cảm tinh vi. Tuy nhiên, trên toàn cầu, có rất ít thông tin về những khóa đào tạo cần thiết dành cho các nhà lãnh đạo, các nhà quản lý và nhà hoạch định chính sách giáo dục đại học. Hơn nữa, ở những nơi có các chương trình đào tạo và xây dựng năng lực như vậy thì bức tranh cũng không đầy đủ và thường gây thất vọng. Trên thực tế, các khóa học được thiết kế riêng nhằm đào tạo năng lực lãnh đạo và quản lý giáo dục đại học còn hạn chế về số lượng, hầu như ở quy mô nhỏ và phần lớn không thể đưa ra những đánh giá một cách hệ thống tác động lâu dài của những khóa học này. Đây là vấn đề cần nhiều sự quan tâm vì các trường đại học và hệ thống giáo dục đại học trên toàn thế giới đang phải đối mặt với vô vàn cơ hội và thách thức trong tương lai gần. Rõ ràng là, đại đa số các nhà lãnh đạo và quản trị giáo dục đại học bước vào cương vị của họ mà không được đào tạo - họ học "trong công việc" - hoặc điều hành trong nguy cơ thất bại.

### Vùng đất chưa được khám phá

Hai nghiên cứu gần đây - một của Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế thuộc Boston College (CIHE) thay mặt cho Hiệp hội Trao đổi Học thuật Đức (DAAD) và Hội nghị các nhà nghiên cứu Đức (HRK), và một của Hiệp hội Các trường Đại học Quốc tế (IAU) thay mặt cho Ngân hàng Thế giới - đã vẽ ra các khía cạnh khác nhau của bức tranh toàn cầu về các chương trình đào tạo lãnh đạo đại học. Với IAU, mục tiêu nghiên cứu là xác định các

chương trình đào tạo trên thế giới tập trung đặc biệt vào lãnh đạo trung cấp và cao cấp trong giáo dục đại học. Mục đích của CIHE hơi khác một chút, nhằm làm sáng tỏ những đối tác chính cung cấp các chương trình đào tạo hướng vào hợp tác phát triển quốc tế (ví dụ như tăng cường năng lực ở các khu vực có thu nhập thấp và các nước đang phát triển).

Trong khi tìm hiểu về sự hiện diện và cấu trúc của các chương trình đào tạo lãnh đạo đại học trên toàn thế giới, cả IAU và CIHE đều phát hiện ra rằng cho đến nay rất ít công việc đã được thực hiện để xem xét các chương trình loại này ở cấp độ toàn cầu. Cần thực hiện các nghiên cứu thảo luận sâu rộng để xác định các đặc tính nền tảng của chương trình đào tạo như quy mô, nội dung, thiết kế, triển khai, đánh giá và mục tiêu. Không giống như chương trình cấp bằng sau đại học tập trung vào một lĩnh vực chuyên môn cụ thể do một trường đại học duy nhất (hoặc các đối tác liên kết được xác định rõ) cung cấp, các chương trình đào tạo chuyên gia giáo dục đại học có thể do nhiều đối tác cung cấp. Một số chương trình lại được hình thành do một chuỗi các nhà cung cấp, theo đó các bên khác nhau chịu trách nhiệm riêng về tài trợ, về quản lý/tổ chức và về cung cấp các chương trình đào tạo cụ thể. Cho đến nay vẫn chưa có "phân loại" rõ ràng cho lĩnh vực quản trị giáo dục đại học toàn cầu, các nhà cung cấp đào tạo hoặc phương pháp tiếp cận.

### **Bạn lựa chọn, còn họ thực hiện**

Các chương trình đào tạo tiếp cận công việc theo nhiều cách khác nhau. Sự đa dạng này thể hiện rõ qua các tiêu chí như độ tuổi của chương trình, quy mô học viên, tần suất dạy thường xuyên của chương trình, đối tượng mục tiêu nhắm đến, "cách tiếp cận sư phạm", độ dài chương trình, các chủ đề trong chương trình và những đặc điểm chính khác.

Sự đa dạng này thể hiện một bức tranh toàn cảnh thú vị trong bối cảnh đào tạo toàn cầu. Các chương trình có độ tuổi khác nhau, từ nhiều thập kỷ đến vừa mới ra mắt. Về các nhóm mục tiêu, chúng có thể phục vụ các nhà quản lý cấp cao hoặc các nhà quản lý và quản trị viên bậc trung và bậc cao-trung, hoặc cho các nhóm đối tượng đặc biệt như các cá nhân được hứa hẹn thăng tiến sớm, các

quản trị viên có vai trò và trách nhiệm được xác định cụ thể, hoặc thành viên của các nhóm thiểu số như lãnh đạo nữ.

Phương thức đào tạo của chương trình có thể bao gồm hội nghị, hội thảo, bài giảng, nghiên cứu tình huống, thăm quan thực địa, thực tập, dự án nhóm, các dự án cá nhân hoặc nghiên cứu độc lập. Các chương trình đào tạo thậm chí có thể được gắn trong quan hệ đối tác lâu dài, đặc biệt là trong một số sáng kiến của châu Âu tập trung vào hợp tác phát triển quốc tế. Các khoá đào tạo có thể được cung cấp trực tiếp và/hoặc trực tuyến.

Tần suất và thời gian đào tạo cũng có thể thay đổi từ vài ngày hoặc vài tuần, hoặc ít thường xuyên hơn là kéo dài trong nhiều tháng, một năm hoặc lâu hơn. Một số chương trình bao gồm các dịch vụ "đóng gói" đã được chuẩn hóa về cơ cấu và nội dung đào tạo, trong khi một số chương trình khác có thể được thiết kế riêng cho nhu cầu của khách hàng hoặc người tham gia. Có vô vàn khả năng khi nói đến nội dung đào tạo, cách tiếp cận, đối tượng mục tiêu và lý do đào tạo.

### **Các đường nét đang hình thành trong một thế giới đa dạng**

Mặc dù các chương trình đào tạo lãnh đạo đại học trên toàn thế giới có sự khác biệt đáng kể về hình thức và nội dung, vẫn có thể nhận thấy một số xu hướng chính từ dữ liệu hiện có về loại hình đào tạo này.

Thứ nhất, đào tạo các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục đại học nổi bật lên như một "ngành tăng trưởng" trên toàn cầu. Một số lượng đáng kể các chương trình và mô hình đào tạo được bắt đầu trong giai đoạn từ năm 2000 chứng tỏ điều này. Tuy nhiên, các chương trình đào tạo và phát triển lãnh đạo giáo dục đại học xuất hiện chủ yếu ở các nước giàu có, hoặc được thực hiện (hoặc tạo điều kiện để thực hiện) bởi phần lớn các nhà cung cấp, các nhà tài trợ, và/hoặc các đối tác đến từ các nước phương Bắc.

---

**Cho đến nay vẫn chưa có "phân loại" rõ ràng cho lĩnh vực quản trị giáo dục đại học toàn cầu, các nhà cung cấp đào tạo hoặc phương pháp tiếp cận.**

---

Với các dữ liệu hiện có, chúng ta thấy rằng hầu hết các chương trình đều có ít người tham gia, thường dưới 50 cho mỗi nhóm. Ngoài ra, các nhóm người học có xu hướng tương đối "đồng nhất" theo nghĩa không có nhiều loại học viên tham gia trong cùng một lớp (ví dụ như với mức thâm niên quản lý khác nhau). Có rất ít bằng chứng cho thấy sự chú ý đặc biệt đến việc đào tạo hoặc kỹ năng lãnh đạo cho phụ nữ trong giáo dục đại học, mặc dù họ đóng vai trò quan trọng trong tuyển sinh và trong xếp hạng giảng viên toàn cầu (ít nhất là giai đoạn đầu).

Các chương trình đào tạo cũng tương đối ngắn, thường là từ vài ngày đến một hoặc hai tuần. Thường có thu phí và không cấp bất kỳ chứng chỉ nào ngoài việc ghi nhận sự có mặt của học viên. Cuối cùng, có rất ít dấu hiệu cho thấy các chương trình đào tạo đang thực hiện các hoạt động đánh giá mang lại bằng chứng rõ ràng về kết quả trung hạn hoặc ảnh hưởng lâu dài. Thường thì các đánh giá dựa trên chứng thực của những người thụ hưởng hoặc các tổ chức cung cấp các khóa đào tạo mà không cung cấp thông tin về các công cụ giám sát được thiết kế để đo lường tác động của các khóa học này đối với người tham gia hoặc đối với môi trường hoạt động chuyên nghiệp của họ. Một trong những tác động được trích dẫn nhiều nhất là tầm quan trọng của các cơ hội kết nối do khóa học cung cấp, tuy nhiên kết quả này rất khó để chuyển thành một đánh giá mang tính tác động.

### **Cần nhiều hơn không? Cần!**

Đa số các nhà lãnh đạo và quản lý giáo dục đại học trên khắp thế giới không được đào tạo chính quy/chuyên môn cho công việc của họ. Khi hệ thống giáo dục đại học tiếp tục phát triển và trở nên đa dạng, ngày càng chịu thêm nhiều áp lực phải đáp ứng được các chỉ tiêu hoạt động chính yếu, đồng thời phải thể hiện tính xuất sắc trong giáo dục và đổi mới - thì nhu cầu đào tạo các nhà quản lý và lãnh đạo hiệu quả trở nên phổ biến và cấp bách hơn. Tuy nhiên, cơ hội đào tạo nhằm đáp ứng nhu cầu khổng lồ này không nhiều. Trên thực tế, những số liệu thống kê của CIHE và IAU dù được điều chỉnh để tìm ra đúng các chương trình đào tạo loại này mà không phải các chương trình khác, chỉ đưa ra được không quá 120 chương trình đào tạo trên toàn thế giới. Các chương trình ngắn hạn, quy mô nhỏ - được nhóm lại hoặc được cung cấp bởi các

chủ thể tại các cường quốc phương Bắc (Global North) – đang hoạt động mà không có bằng chứng rõ rệt về tác động trung hạn và dài hạn, không cung cấp được một lộ trình khả thi để hỗ trợ giáo dục đại học quy mô lớn, đặc biệt ở các nước có thu nhập thấp và các nước mới nổi trên thế giới. Những nơi đó đang có nhu cầu khẩn cấp nâng cao năng lực lãnh đạo và quản lý thông qua việc cung cấp các cơ chế đào tạo chất lượng cao, phù hợp yêu cầu và góp phần nâng cao giá trị. Cần có thêm các nghiên cứu để có thể thấu hiểu được những đối tác tham gia vào đào tạo các nhà lãnh đạo và quản trị đại học trên khắp thế giới, cũng như phạm vi và tác động thực tế của các chương trình đào tạo này - nhằm tạo ra các nhà quản lý và lãnh đạo có kỹ năng cao trong giáo dục đại học thế kỷ 21.

## **Hội nghị giả mạo: hiện tượng ăn thịt đồng loại trong học thuật**

**James McCrostie**

*James McCrostie là Giáo sư Khoa Quản trị Kinh doanh, Đại học Daito Bunka, Tokyo, Nhật Bản. E-mail: jamesm@ic.daito.ac.jp.*

Xuất hiện trong lĩnh vực học thuật chưa đầy 20 năm trước, hội nghị giả mạo (predatogy conference) ngày nay còn nhiều hơn hội nghị hợp pháp do các tổ chức học thuật tổ chức. Giờ đây, tháng nào trong năm người ta cũng có thể tham dự các hội nghị giả mạo gần như ở bất kỳ thành phố lớn nào, từ Tokyo đến Toronto, từ Sydney đến Helsinki. Cạnh tranh giữa các công ty học thuật giả mạo đã trở nên khốc liệt đến nỗi các thành phố nhỏ hơn cũng trở thành mục tiêu hướng tới. Thậm chí còn xuất hiện các trang web hội nghị dành riêng để quảng bá cho các sự kiện giả mạo. Vô số các hội nghị giả mạo, đôi khi còn được gọi là hội nghị đáng ngờ, kết hợp với sự ngụy tạo tinh vi ngày càng tăng của các công ty tổ chức, dẫn đến tình trạng là bất kỳ hội nghị học thuật nào cũng nên bị coi là giả mạo cho đến khi được làm rõ là không phải.

### **Hội nghị giả mạo là gì?**

Đơn vị tổ chức bị coi là "giả mạo" khi có ba biểu hiện sau: thường tổ chức những hội nghị có chất



lượng học thuật thấp với mục đích chính là thu tiền - không tài trợ cho các báo cáo; bình duyệt báo cáo không thực sự hiệu quả, cho phép trả tiền để được báo cáo; ban tổ chức sử dụng các hình thức lừa dối, phổ biến nhất là tuyên bố sai sự thật về bình duyệt, che giấu vị trí thực của trụ sở công ty và che giấu bản chất vì lợi nhuận của công ty.

Trừ vài trường hợp ngoại lệ, bài báo này sẽ tránh nêu tên các nhà tổ chức hội nghị giả mạo vì hai lý do. Thứ nhất, nhiều công ty theo dõi sát những gì viết về họ và nhanh chóng thay đổi diện mạo trang web của họ trong nỗ lực tránh bị gán nhãn giả mạo. Thứ hai, các công ty thường xuyên đổi tên hoặc đổi tên các hội nghị của họ. Ví dụ OMICS International - hiện đang bị Ủy ban Thương mại Hoa Kỳ cáo buộc về lừa dối thương mại - tổ chức các hội nghị dưới ít nhất bốn tên gọi khác nhau, bao gồm Conference Series, Pulsus Group, EuroSciCon và Life Science Events.

Một số nhà tổ chức hội nghị giả mạo thường bắt đầu hoạt động như các nhà xuất bản giả mạo và mở rộng hoạt động sang lĩnh vực tổ chức hội nghị. Những kẻ khác chỉ tập trung vào tổ chức hội nghị, mặc dù họ cũng có thể chuyển các báo cáo cho các nhà xuất bản giả mạo. Các giảng viên đại học sở hữu một số công ty tổ chức hội nghị giả mạo và tìm cách thuyết phục các học giả khác tham gia vào ban tổ chức của họ. Rất nhiều - nhưng không có nghĩa là tất cả - các công ty giả mạo có trụ sở tại châu Á, bao gồm Trung Quốc, Hồng Kông, Ấn Độ, Malaysia và Đài Loan. Tuy nhiên, các quốc gia phát triển hơn như Canada, Nhật Bản, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ cũng có nhiều công ty hội nghị giả mạo.

### Sự nguy hiểm

Khá nhiều học giả cho rằng các hội nghị giả mạo không đáng lo ngại, đặc biệt nếu như đối với lĩnh vực nghiên cứu của họ các báo cáo hội nghị hoặc bài in kỹ yếu không quan trọng bằng các ấn phẩm đăng tạp chí. Tuy nhiên, các hội nghị giả mạo đe dọa nền móng của tòa tháp ngà học thuật. Không tiến hành bình duyệt thực sự, họ cho phép bất cứ ai cũng có thể trình bày và công bố các bài nghiên cứu nghèo nàn, các công trình ăn cắp hoặc giả mạo. Tại các hội nghị giả mạo, chúng ta nghe các báo cáo về việc Liên Hợp Quốc đã tạo ra AIDS để giảm dân số thế giới, và không tồn tại hiện tượng nóng lên toàn cầu.

### Một số nhà tổ chức hội nghị giả mạo thường bắt đầu hoạt động như các nhà xuất bản giả mạo và mở rộng hoạt động sang lĩnh vực tổ chức hội nghị.

Hội nghị giả mạo thường kết hợp nhiều hội nghị với nhau trong một phòng hội nghị tại khách sạn, buộc người tham dự phải nghe thuyết trình về các chủ đề ngoài lĩnh vực của họ, những học giả có thiện chí, nhưng không biết gì bị lừa gạt tham gia, lãng phí cả tiền bạc và thời gian nghiên cứu. Những nỗ lực trung thực của họ cũng có thể bị vấy bẩn khi xuất hiện cùng với các báo cáo vô nghĩa trong các kỹ yếu hội nghị. Xa hơn nữa, khi các nhà tổ chức hội nghị giả mạo đã lớn mạnh hơn, họ mua các nhà xuất bản và công ty tổ chức hội nghị hợp pháp, làm mờ ranh giới giữa giả mạo và hợp pháp. Những cộng đồng học giả đang phải trông cậy vào hội nghị hàng năm của họ để gây quỹ cũng thấy phải cạnh tranh với số lượng ngày càng tăng của các hội nghị giả mạo.

### Kẻ thù là chính chúng ta

Lý do chính khiến các hội nghị giả mạo trở thành vấn đề lớn như vậy là bởi các nhà nghiên cứu và các trường đại học hầu như không làm gì để giải quyết vấn đề. Ít hành động được thực hiện để cảnh báo các nhà nghiên cứu hoặc các trường đại học về mối nguy hiểm này, và thậm chí còn ít hơn nữa các biện pháp trừng phạt những người tham gia hoặc giúp tổ chức các sự kiện. Quan điểm cho rằng chỉ những nhà nghiên cứu trẻ hoặc từ các nước đang phát triển mới có thể bị lừa cũng là một lý do cho việc án binh bất động. Trong thực tế, các học giả từ các trường đại học phương Tây thường xuyên có báo cáo và giúp tổ chức các hội nghị giả mạo. Bị lừa mất bởi sự phấn khích khi được mời trình bày báo cáo chính tại hội nghị, nhiều người đã bỏ qua tín hiệu đỏ cảnh báo trong tiềm thức. Thật không may là những người khác lại chủ định tham gia. Các nhà nghiên cứu ở những quốc gia hoặc những lĩnh vực coi trọng các bài thuyết trình hội nghị đã cố tình sử dụng các hội nghị giả mạo để làm phong phú thêm CV của họ với mục đích giành được công việc và hưởng chính sách khuyến khích của trường đại học. Các nhà tổ chức hội nghị thường liên kết với các nhà xuất bản giả mạo, các báo cáo hội nghị

sẽ được chấp thuận xuất bản trong các tạp chí giả mạo với một khoản phí nộp bổ sung. Thật không may, nhiều nhà nghiên cứu coi các cơ hội xuất bản như vậy là một phần thưởng thay vì là một vấn đề.

Điều đáng lo ngại là trong quá trình nghiên cứu của tôi, hiếm có học giả nào liên quan đến các hội nghị giả mạo lại thừa nhận hành vi sai trái từ phía họ hoặc từ phía ban tổ chức. Ngay cả khi phải đối mặt với các bằng chứng như giả mạo kết quả bình duyệt báo cáo, che giấu các công ty vì lợi nhuận, và đánh cắp danh tính, các nhà nghiên cứu cũng chối bỏ và khẳng định mình không liên quan đến việc này. Trái lại, những nhân viên hiện tại và cựu nhân viên cảm thấy chán ghét những hành động của công ty lại là nguồn thông tin có giá trị nhất về các nhà tổ chức giả mạo.

Các trường đại học ở các nước phát triển thường xuyên đăng cai tổ chức các hội nghị giả mạo, và việc cho mượn các phòng hội nghị dường như không có bất kỳ rủi ro nào cho danh tiếng của họ. Ví dụ vào cuối tháng 9 năm 2016, tôi đã thông báo cho Clare College thuộc Đại học Cambridge là Hiệp hội Nghiên cứu Hoa Kỳ (ASR) – đơn vị tổ chức hội nghị giả mạo - dự kiến tổ chức Hội nghị Quốc tế về Giáo dục và Công nghệ Thông tin (ICEIT) tại đây vào tháng 3 năm 2017. Dù ASR tuyên bố là một tổ chức phi lợi nhuận, ASR đã được đăng ký là một công ty vì lợi nhuận với trụ sở chính được đặt tại Trung Quốc. Tôi cũng cảnh báo rằng một trong các hội nghị trước đó của tổ chức này đã chấp nhận một báo cáo SCiGen vô nghĩa do máy tính tạo ra và tôi nộp đăng ký, và những người chủ của hiệp hội này có quan hệ với ít nhất tám nhà xuất bản và công ty hội nghị giả mạo khác. Việc buộc ASR phải xóa logo của đại học khỏi trang web hội nghị là hành động mạnh nhất mà quản trị viên hội nghị của trường đã thực hiện. Sau khi bị bêu tên trong một bài báo, tổ chức này đổi tên thành “Hiệp hội các nhà nghiên cứu Châu Á”, và Hội nghị ICEIT tháng 3 năm 2018 dự kiến sẽ được tổ chức tại St. Anne’s College, Đại học Oxford.

Nhiều nhà nghiên cứu xem các hội nghị giả mạo như cơ hội để chi tiêu quỹ nghiên cứu một cách dễ dàng. Có lý do để rất nhiều hội nghị giả mạo diễn ra tại các địa điểm như Bali, Miami và Hawaii. Sau một bài thuyết trình của tôi tại một hội nghị ở Nhật Bản, một người tham dự phàn nàn với

tôi rằng tôi đã mạo hiểm phá hoại bữa tiệc cho tất cả mọi người. Bữa tiệc này là khả năng đi du lịch một nơi nào đó ấm áp khi mùa đông đến với tiền từ quỹ nghiên cứu. Tại các hội nghị giả mạo mà tôi đã tham dự ở Tokyo, tôi thấy hiếm khi người thuyết trình ở lại sau khi kết thúc bài thuyết trình của riêng họ. Đi cùng với các thành viên gia đình, họ mang theo sách hướng dẫn nhiệm vụ thu thập dữ liệu quan trọng tại Tokyo Disneyland.

### Những gì có thể làm?

Không có câu trả lời kỳ diệu nào. Các giảng viên đại học, sinh viên sau đại học và quản trị viên đều cần được nhắc nhở nhiều hơn về sự nguy hiểm của các hội nghị giả mạo. Những ai đã sai lầm và vô tình trình bày tại một hội nghị giả mạo cần phải cảnh báo cho các đồng nghiệp và cộng đồng học thuật. Các trường đại học cần tránh việc đăng cai các hội nghị giả mạo và từ chối việc quảng bá hoặc tài trợ cho các nhà nghiên cứu tham dự các hội nghị này.

## Chống tham nhũng trong học thuật: đảm bảo chất lượng và kiểm định

Judith S. Eaton

*Judith S. Eaton là Chủ tịch của Hội đồng Kiểm định Giáo dục Đại học Hoa Kỳ. E-mail: eaton@chea.org.*

Năm 2016, Hội đồng Kiểm định Giáo dục Đại học/Tổ chức Chất lượng Quốc tế (CHEA/CIQG) ban hành Tuyên bố tham vấn về thực tiễn hành vi quốc tế hiệu quả: Chống tham nhũng và nâng cao liêm chính nhằm thu hút sự chú ý của cộng đồng đảm bảo chất lượng và kiểm định về vấn đề tham nhũng học thuật. Tự định vị mình là "một lời kêu gọi thúc tỉnh cho giáo dục đại học trên toàn thế giới - đặc biệt đối với các cơ quan đảm bảo chất lượng... ở các nước phát triển và đang phát triển... để thách thức và khắc phục những hành vi tham nhũng", Tuyên bố tham vấn này đã đem lại cơ hội nêu lên và đề xuất các giải pháp cho chủ đề quan trọng này.

Nhưng để hoạt động đảm bảo chất lượng và kiểm định – phương tiện chủ yếu để đảm bảo chất lượng



giáo dục đại học trên toàn thế giới - có vai trò sáng tạo và xây dựng hơn trong cuộc chiến chống tham nhũng là một điều không dễ. Ngay cả việc thiết lập ranh giới giữa những khái niệm cũng là một thách thức lớn. "Tham nhũng học thuật" trong giáo dục đại học rất phức tạp và có thể bao gồm nhiều hành vi, từ hối lộ, gian lận đến tống tiền và nhiều thứ khác nữa, tùy thuộc vào việc lựa chọn sử dụng định nghĩa về tham nhũng của Tổ chức Minh bạch Quốc tế, của các từ điển tin cậy khác, hoặc chấp nhận một định nghĩa vận hành (được đưa ra bởi tổ chức Tuyên bố tham vấn và ETICO của UNESCO, một nền tảng tài nguyên dựa trên web về các vấn đề đạo đức và tham nhũng trong giáo dục).

### Các vấn đề trọng tâm

Trong thời gian tới, cộng đồng đảm bảo chất lượng/kiểm định chất lượng cần xem xét ba vấn đề trọng tâm. Thứ nhất, chúng ta có khuynh hướng chống tham nhũng thông qua cách thức duy trì sự liêm chính trong học thuật. Sẽ rất hữu ích nếu đặt câu hỏi liệu nâng cao tính liêm chính trong học thuật và chống tham nhũng có sử dụng cùng một loại công cụ không. Có thể cho rằng đó là hai nhiệm vụ khác nhau. Thứ hai, có thể chúng ta chưa nhận thức đầy đủ về vai trò của tham nhũng trong đời sống của các trường đại học và chương trình giáo dục. Có lẽ chúng ta cần công cụ để nâng cao nhận thức này. Thứ ba, để chống tham nhũng thành công, chúng ta cần thêm các phương tiện để hiểu và ứng xử trước các quan niệm khác nhau - do khác biệt văn hóa, về những gì được coi và không được coi là "tham nhũng" ở các nước khác nhau trên thế giới.

Đồng nhất vai trò chống tham nhũng của đảm bảo/kiểm định chất lượng với duy trì sự liêm chính trong học thuật dẫn đến niềm tin chúng ta đã và đang chống tham nhũng và cũng không còn nhiều việc cần làm. Chúng ta trưng ra cam kết đáng khen của mình, với các tiêu chuẩn và chính sách đảm bảo/kiểm định chất lượng yêu cầu các trường và các chương trình giáo dục chứng minh rằng họ ủng hộ và thực hiện các bước để tăng cường tính liêm chính. Trong đó bao gồm những tiêu chuẩn và chính sách khuyến khích, ví dụ như sự trung thực trong công việc với sinh viên và công chúng, cam kết với các tiêu chuẩn đạo đức cao nhất trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu, và sự minh bạch hoàn

toàn trong hoạt động kinh doanh của các trường cao đẳng hoặc đại học.

Tuy nhiên, các tiêu chuẩn và chính sách hiện nay có đầy đủ không? Phải chăng các biện pháp chống tham nhũng vẫn không nhiều như các biện pháp khuyến khích giảng viên và các nhà quản lý đảm bảo tính liêm chính trong học thuật? Đã có những hoạt động nào, ví dụ như đảm bảo rằng sinh viên hoặc giảng viên không đạo văn - ngoài việc kêu gọi sự trung thực trong các bài tập, nghiên cứu và bài viết, hoặc các hành động quan trọng tương tự? Đã có những biện pháp nào được thực hiện nhằm ngăn ngừa việc sử dụng công nghệ hiện đại để giả mạo bằng điểm hoặc các chứng chỉ khác, ngoài những tuyên bố rằng các thực tiễn như vậy không nên xảy ra? Cần có những biện pháp nào để ngăn chặn việc mua bán điểm số hoặc kết quả tuyển sinh, ngoài việc lên án các thực tiễn như vậy? Những mong muốn và những lời hô hào liên quan đến sự liêm chính trong học thuật là rất quan trọng, nhưng chúng không thể thay thế các hành động cần thiết để chống tham nhũng được đề xuất trong Bản Tuyên bố Tham vấn.

Một số thành viên trong cộng đồng đảm bảo/kiểm định chất lượng, khi trả lời câu hỏi về tăng cường nhận thức tầm quan trọng của công cuộc chống tham nhũng, đã nói rằng điều này không cần thiết - đối với họ tham nhũng vẫn chưa trở thành vấn đề quan trọng. Trong quá trình kiểm tra và đánh giá các tổ chức hoặc chương trình giáo dục, họ hiếm khi bắt gặp hiện tượng tham nhũng. Vì sao họ phải sử dụng nguồn lực hạn chế của mình để giải quyết vấn đề này, trong khi thiếu vắng bằng chứng ban đầu về tham nhũng? Và trong những trường hợp hiếm hoi chạm trán với tham nhũng, họ cho rằng cộng đồng đảm bảo/kiểm định chất lượng không phải là người chịu trách nhiệm chính, mà là những chủ thể khác, không đúng vậy sao? Tham nhũng, ngay cả tham nhũng học thuật, là vấn đề của chính phủ, của hành pháp, hoặc của tòa án.

---

**Khi nói đến tham nhũng học thuật, sẽ là không đủ nếu chỉ diễn giải các nguyên tắc chung ở mức tổng quát để tất cả chúng ta có thể hiểu được, và khái quát mọi biến thể thực tiễn đảm bảo chất lượng trên toàn thế giới.**

---

Thật khó khăn khi phải thừa nhận rằng, dù nền giáo dục đại học của một quốc gia bất kỳ có mạnh đến mấy thì tham nhũng vẫn có thể xảy ra và chúng ta cần hành động. Liệu chúng ta đang coi việc tìm kiếm các hành vi tham nhũng là một phần của quá trình thẩm định ngang hàng (peer review) hay của quá trình cải tiến? Có hay không tập hợp các chỉ số hoặc cảnh báo để giám sát, phát hiện tham nhũng? Có danh mục những việc cần làm để "chống tham nhũng" không? Những dấu hiệu nào cho phép những người thẩm định phát hiện tham nhũng? Vâng, đây không phải là chủ đề dễ chịu nhất, nhưng cũng hoàn toàn không dễ chịu nếu các cơ quan chức năng lại phát hiện ra hành vi tham nhũng ở một trường cao đẳng hoặc đại học vừa mới được các tổ chức kiểm định chất lượng chúng nhận là đáp ứng được các kỳ vọng về tính liêm chính trong học thuật.

Do khác biệt văn hoá, ở những quốc gia khác nhau những hành vi bị xem là "tham nhũng" cũng rất khác nhau. Ví dụ, đạo văn được chấp nhận ở một số xã hội này nhưng không được ở những xã hội khác. Chủ nghĩa gia đình trị là thích hợp trong một số quốc gia nhưng không phải đối với những quốc gia khác. Việc mua bán bằng cấp hoặc tín chỉ học thuật hoặc điểm thi vào đại học bị coi là tham nhũng ở một số quốc gia. Ở những quốc gia khác, những thực tiễn như vậy bị coi là xấu nhưng cần thiết. Trong khi các nhà lãnh đạo về đảm bảo/kiểm định chất lượng sẵn sàng nhất trí về những thực tiễn chung trong nhiều lĩnh vực - như vai trò hàng đầu của trường đại học trong học thuật, tầm quan trọng của học bổng và nghiên cứu, cam kết với sinh viên trong suốt quá trình học đại học - thì do những khác biệt văn hóa như vậy, thống nhất cách nhìn nhận thế nào là tham nhũng khó hơn nhiều.

### **Làm gì để thúc đẩy hoạt động chống tham nhũng**

Khi nói đến tham nhũng học thuật, sẽ là không đủ nếu chỉ diễn giải các nguyên tắc chung ở mức tổng quát để tất cả chúng ta đều hiểu được, và khái quát mọi biến thể thực tiễn đảm bảo chất lượng trên toàn thế giới. Thực tiễn chung này là hữu ích trong việc giải quyết các vấn đề về đảm bảo chất lượng, nhưng chúng ta cần nhiều hơn thế. Ngoài việc chú trọng tính liêm chính trong học thuật, chúng ta có thể tăng cường hoạt động chống tham nhũng bằng cách bổ sung các tiêu chuẩn và chính

sách bảo đảm/kiểm định chất lượng tập trung vào tham nhũng. Chúng ta cần đào tạo bổ sung để mở rộng việc giám sát hiệu quả nhằm phát hiện tham nhũng trong các trường cao đẳng hoặc đại học như một phần của việc đánh giá chất lượng liên tục. Chúng ta có thể lập bản đồ sự biến thiên của những gì được coi hoặc không được coi là tham nhũng ở các quốc gia khác nhau. Tham nhũng trong học thuật có thể gây ra những hậu quả nghiêm trọng, gây tổn hại cho sinh viên, người lao động và công chúng - và phá hoại tính hợp pháp của giáo dục đại học.

Tham nhũng học thuật là một lĩnh vực không dễ chịu cho đảm bảo chất lượng. Chúng ta cần dành nhiều thời gian và chấp nhận sự khó chịu này như một phần của việc thiết lập vai trò dẫn dắt cần thiết để giải quyết vấn đề tham nhũng một cách toàn diện. Thúc đẩy thực hiện các đề xuất trong bài viết này có thể là một phần hưởng ứng tích cực lời kêu gọi cảnh tỉnh của Tuyên bố Tham vấn.

## **Những thay đổi trong dịch chuyển sinh viên quốc tế**

**Dirk Van Damme**

*Dirk Van Damme là Giám đốc, phụ trách bộ phận Giáo dục và Kỹ năng của OECD. E-mail: dirk.vandamme@oecd.org.*

**T**rong những thập kỷ qua, số lượng sinh viên quốc tế ngày càng tăng. Theo số liệu do OECD và Viện Thống kê UNESCO thu thập, tổng số sinh viên quốc tế học tập ở nước ngoài đã tăng từ 1,7 triệu năm 1995 lên 4,5 triệu vào năm 2012. Nguyên nhân dẫn đến sự tăng trưởng này rất rõ ràng. Ở một chừng mực nào đó, sự dịch chuyển của sinh viên quốc tế có thể được xem là hậu quả của tình trạng bất bình đẳng trong học thuật toàn cầu. Sinh viên đến những nước khác trên thế giới để tìm kiếm nền giáo dục tốt nhất mà họ có thể mua được. Sự dịch chuyển của sinh viên quốc tế là một trong những cách để thu hẹp khoảng cách địa lý giữa cung và cầu. Đầu tư các nguồn lực vào giáo dục để đảm bảo con cái đạt được năng lực chất lượng cao đã trở thành chiến lược ưu tiên của các gia đình tầng lớp trung lưu giàu có ở các nước đang phát triển, đặc biệt là khi khả năng chi trả của họ tăng



lên. Một số quốc gia đã nhanh chóng nắm bắt cơ hội này và phát triển các chiến lược để đưa ra thị trường các sản phẩm giáo dục đại học của mình. Sự dịch chuyển của sinh viên quốc tế là một trong những biểu hiện toàn cầu hóa rõ ràng nhất trong giáo dục đại học.

Nhiều người mong đợi sự tăng trưởng này sẽ tiếp tục và thậm chí sẽ nhanh hơn. Nhưng điều đó đã không xảy ra: từ năm 2012 trở đi, mức độ tăng trưởng giảm xuống gần bằng 0. Trong khoảng từ năm 2012 đến năm 2015, chỉ có khoảng 100 ngàn sinh viên được thêm vào con số 4,5 triệu người. Các số liệu gần đây được đưa ra trong ấn phẩm "Education at a Glance" của OECD năm 2017, cho thấy đó không phải là sự thụt lùi tạm thời, mà là một hiện tượng mang tính cấu trúc nhiều hơn.

### **Mở rộng giáo dục đại học trong nước**

Những lý do nào dẫn đến sự thay đổi này? Có thể chúng ta cần xem xét sự phát triển của cả bên cung và bên cầu. Về bên cầu, giải thích rõ ràng nhất là việc cải thiện giáo dục trong nước ở các quốc gia có số lượng lớn sinh viên đi du học. Trung Quốc, và ở một mức độ nào đó là Ấn Độ, đã đầu tư nhiều nguồn lực để phát triển hệ thống giáo dục đại học, bao gồm một số trường đại học được chọn để vươn đến đẳng cấp thế giới trong vài năm tới. Các trường đại học Trung Quốc đang tích cực chen chân vào bảng xếp hạng toàn cầu và tiếp tục cải thiện thứ hạng của họ mỗi năm. Số công trình nghiên cứu của Trung Quốc cũng có mức tăng nhanh nhất trên toàn thế giới. Viễn cảnh đại học trong nước ngày càng thay đổi đã ảnh hưởng đến chiến lược đầu tư của các gia đình tầng lớp trung lưu ở các quốc gia này. Trung Quốc dường như cũng theo dõi và quản lý luồng sinh viên đi du học ở nước ngoài một cách cẩn thận hơn.

### **Sinh viên quốc tế không còn được hoan nghênh nữa**

Tuy nhiên, chỉ những thay đổi về phía cầu vẫn không đủ lý giải sự sụt giảm mức tăng trưởng. Thật vậy, nguồn cung tiềm năng ở nhiều quốc gia trên thế giới, bao gồm các sinh viên quan tâm đến du học, vẫn rất dồi dào. Chúng ta cũng phải nhìn vào bên cung, đến sự phát triển ở các quốc gia là đích đến chính. Rõ ràng là trong những quốc gia hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xuất khẩu dịch vụ giáo

dục, mọi thứ về cơ bản cũng đã thay đổi. Từ một cách tiếp cận hiếu khách và chào đón đối với sinh viên quốc tế, thái độ chính trị và thái độ chung đã chuyển sang hướng thù địch nhiều hơn. Điều này không chỉ xảy ra ở các quốc gia đích đến chính như Úc, Anh và Hoa Kỳ, mà còn có ở các quốc gia như Hà Lan, Thụy Điển hoặc Thụy Sĩ. Khuynh hướng chống di dân trở nên trầm trọng hơn do cuộc khủng hoảng người tị nạn và dòng người tìm nơi cư ngụ, cũng làm đảo lộn bầu không khí đối với sinh viên nước ngoài. Những tuyên bố cổ súy cho chủ nghĩa dân túy và những cáo buộc sai lầm rằng sinh viên nước ngoài chỉ quan tâm đến di cư vĩnh viễn, và rằng họ lấy mất công việc tương lai của sinh viên trong nước, xuất hiện trên khắp các phương tiện truyền thông mỗi ngày.

Báo cáo Mở cửa Trao đổi Giáo dục Quốc tế năm 2017, do Viện Giáo dục Quốc tế (IIE) phát hành, cho thấy số lượng sinh viên quốc tế mới đăng ký vào các trường đại học Hoa Kỳ sụt giảm 7%. Phần lớn (52%) các tổ chức tham gia cuộc khảo sát của IIE đã bày tỏ lo ngại rằng tình trạng xã hội và chính trị của đất nước này có thể ngăn cản sinh viên quốc tế tương lai. Bản báo cáo Chỉ số khoa học và kỹ thuật năm 2018 được phát hành gần đây của Ủy ban Quản lý Khoa học Quốc gia (National Science Foundation - NSF) đã đề cập tới việc sụt giảm 19% tổng số sinh viên từ Ấn Độ đến Hoa Kỳ. Sự sụt giảm số lượng sinh viên quốc tế, đặc biệt là ở trình độ tiến sĩ và sau tiến sĩ, đang khiến nhiều phòng thí nghiệm của các trường đại học Hoa Kỳ phải đối mặt với sự thiếu hụt nhân viên khổng lồ.

Tại Vương quốc Anh, từ năm 2013 số lượng sinh viên quốc tế nhập học vào các trường đại học vẫn chỉ chiếm khoảng 19%. Dữ liệu được xuất bản vào cuối năm 2017 bởi Cơ quan Tuyển sinh Đại học và Cao đẳng (UCAS) cho thấy số lượng sinh viên từ các nước châu Âu đăng ký vào các trường đại học ở Anh suy giảm nhẹ. Đối với lĩnh vực đại học, rõ ràng cuộc trưng cầu Brexit và hậu quả của nó chính là những yếu tố ngăn cản sinh viên châu Âu đến với Vương quốc Anh.

---

**Ở một chừng mực nào đó, sự dịch chuyển của sinh viên quốc tế có thể được xem là hậu quả của tình trạng bất bình đẳng trong học thuật toàn cầu.**

---

Chính phủ Anh đang cân nhắc một quyết định chính trị về việc bỏ sinh viên quốc tế ra khỏi danh sách đối tượng mục tiêu của chính sách giảm nhập cư ròng. Ngay cả khi quyết định có lợi đối với sinh viên quốc tế, thì cảm giác chung về tình trạng bấp bênh và bầu không khí thù địch chống di cư đến Anh vẫn có thể trở thành một cản trở cho sinh viên quốc tế. Trong số các nỗ lực của các hiệu trưởng chống lại không khí thù địch có các báo cáo nghiên cứu cho thấy ảnh hưởng tích cực của sinh viên quốc tế đối với nền kinh tế địa phương và khu vực. Trong một nghiên cứu gần đây, sinh viên quốc tế được cho là đã đóng góp gấp 10 lần cho nền kinh tế Anh so với những phí tổn họ gây ra cho người nộp thuế.

Tình trạng tương tự cũng có thể thấy ở các quốc gia đích đến khác. Chỉ một vài năm trước, các quốc gia này tham gia vào cuộc cạnh tranh để thu hút những sinh viên quốc tế có khả năng chi trả học phí. Ngày nay, hầu hết các quốc gia đích đến không tìm cách giành lấy thị phần đang giảm đi của các quốc gia khác, mà dường như có thái độ thù địch nói chung đối với sinh viên quốc tế. Ít nhất đây là ấn tượng có được từ tình hình của các quốc gia như Úc, Hà Lan, Thụy Điển, hoặc Thụy Sĩ.

### Sinh viên quốc tế định hình thế giới ở thế kỷ 21

Những gì diễn ra ở cả hai phía cung và cầu của giáo dục đại học quốc tế về cơ bản đang định hình lại quy mô và hướng đi của các luồng dịch chuyển sinh viên quốc tế. Theo một cách kỳ lạ, họ đang định hình lại sự bất bình đẳng trong học thuật toàn cầu. Đồng thời, họ cũng xác định lại địa điểm và cách thức đào tạo các chuyên gia và các nhà lãnh đạo tương lai của thế kỷ 21. Giáo dục học thuật là một công cụ quan trọng hình thành trật tự thế giới sau Thế chiến II. Tương tự, những thay đổi hiện nay trong giáo dục quốc tế sẽ có tác động sâu sắc trên khắp thế giới trong thế kỷ 21.

## Thu hút và duy trì tài năng toàn cầu: sinh viên cao học quốc tế tại Hoa Kỳ

Rajika Bhandari

*Rajika Bhandari là Trưởng ban Nghiên cứu chính sách và Thực tiễn, Học viện Giáo dục Quốc tế (IIE), New York, Hoa Kỳ. E-mail: rbhandari@iie.org.*

**D**ự án Mở cửa/Open Doors do IIE thực hiện với sự hợp tác của Vụ Văn hoá và Giáo dục của Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ ([www.iie.org/opendoors](http://www.iie.org/opendoors)).

Dữ liệu Open Doors 2017 mới được công bố vào tháng 11 năm 2017, trong thời kỳ có nhiều suy đoán trong lĩnh vực giáo dục đại học của Hoa Kỳ về việc liệu các luồng sinh viên quốc tế đến Hoa Kỳ có bị sụt giảm hay không. Tuy nhiên, những dữ liệu này, cũng như một số cuộc khảo sát nhanh được tiến hành vào năm 2017 bởi IIE và các hiệp hội giáo dục đại học, cuối cùng đã cho thấy một bức tranh hỗn tạp. Mặc dù số sinh viên mới nhập học sụt giảm rõ rệt cho thấy số lượng sinh viên quốc tế đang ở mức rất thấp và tình trạng sẽ còn tệ hơn trong tương lai, vẫn có một vài bất ngờ khác: sự suy giảm xảy ra hay không tùy thuộc vào loại hình, vị trí địa lý, và tính chọn lọc của trường đại học. Với một số trường đại học, tình trạng suy thoái xảy ra do nhiều yếu tố, và số lượng sinh viên quốc tế sụt giảm trước khi có những thay đổi chính trị và xã hội của Hoa Kỳ vào năm 2017.

Trong bối cảnh tình hình không chắc chắn này, một số bộ phận sinh viên quốc tế xứng đáng nhận được nhiều sự quan tâm hơn.

Open Doors tiến hành khảo sát sinh viên quốc tế ở tất cả các cấp học sau trung học, còn bài báo này tập trung vào tình trạng của sinh viên quốc tế bậc cao học ở Hoa Kỳ.

### Điều gì thu hút các sinh viên cao học quốc tế đến Hoa Kỳ?

Giáo dục đại học Hoa Kỳ có ba công cụ chính thu hút sinh viên cao học và những tài năng hàng đầu từ khắp nơi trên thế giới. Thứ nhất là chất lượng và sự đa dạng của các trường đại học ở Hoa Kỳ, quốc gia này có hơn 4 ngàn trường đại học. Các cuộc khảo sát sinh viên quốc tế tương lai đã chỉ ra rằng Hoa Kỳ được xếp hạng cao nhất về chất lượng của các trường đại học và trải nghiệm học thuật tổng thể. Thứ hai, sự đầu tư đáng kể và tập trung vào khoa học, công nghệ và đổi mới trong giáo dục đại học; có cơ sở nghiên cứu tại trường; và sự cộng tác giữa các trường đại học với các doanh nghiệp là những thành phần quan trọng trong giáo dục sau đại học của Hoa Kỳ, điều này hấp dẫn những sinh



viên cao học mong muốn theo đuổi các nghiên cứu cao hơn. Công cụ thứ ba, và rất thiết thực, là Hoa Kỳ có nhiều cơ hội hậu học tập như Chương trình thực tập không bắt buộc (OPT), cho phép các sinh viên cao học quốc tế áp dụng kiến thức học thuật của họ vào thực tế và cũng là một hướng để họ tìm kiếm công việc và một chỗ đứng lâu dài trong lực lượng lao động và đội ngũ tài năng của Hoa Kỳ.

### Những phát hiện mới

Trong bối cảnh này, với những bằng chứng hiện tại, chúng ta biết gì về tình trạng của sinh viên cao học quốc tế tại mỗi giai đoạn khác nhau trong dòng chảy tài năng - tuyển sinh, cơ hội làm việc - học tập ngay sau khi tốt nghiệp, và giai đoạn làm việc toàn thời gian ở Hoa Kỳ? Trước hết hãy nhìn vào tuyển sinh hiện tại, cần ghi nhớ rằng 36% (hoặc 391.124 người) trong tổng số sinh viên quốc tế theo học tại Hoa Kỳ là sinh viên cao học. Theo Dự án Atlas, trong những năm gần đây, con số tuyệt đối sinh viên cao học quốc tế tại Hoa Kỳ tiếp tục tăng, và Hoa Kỳ có số lượng sinh viên cao học nhiều hơn bất kỳ nước chủ nhà cạnh tranh nào khác. Tuy nhiên, những phát hiện từ dữ liệu Open Doors gần đây về việc nhập học mới, dựa trên một cuộc khảo sát ngắn vào mùa thu năm 2017 và hai báo cáo gần đây của Quỹ khoa học quốc gia (NSF) và Hội đồng các trường đại học (CGS), cho thấy mức độ tăng trưởng của sinh viên cao học quốc tế đang chậm lại. Phân tích NSF cho thấy mức sụt giảm gần 6% trong tuyển sinh cao học quốc tế trong giai đoạn 2016 và 2017, và cuộc khảo sát của CGS về tuyển sinh cao học quốc tế mới cũng cho thấy tỷ lệ sụt giảm tổng thể gần 3%. Tình trạng sụt giảm cũng xảy ra với chương trình thạc sĩ và chương trình cấp chứng chỉ và tại các trường không tập trung nhiều vào nghiên cứu, một lần nữa chỉ ra rằng số lượng tuyển sinh quốc tế biến động tùy thuộc vào loại hình trường đại học.

Sinh viên cao học quốc tế ở Hoa Kỳ chủ yếu đến từ châu Á (73%), một nửa trong số đó là từ Ấn Độ và Trung Quốc. Do đó, nguồn sinh viên từ hai quốc gia then chốt này là rất quan trọng. Trong khi số sinh viên cao học của Ấn Độ giảm 13% trong giai đoạn 2016 và 2017, thì số sinh viên cao học mới của Trung Quốc tăng 5%. Mặc dù bức tranh dễ khiến rối trí, các tổ chức báo cáo rằng cả sinh viên Ấn Độ và Trung Quốc, đặc biệt là ở trình độ cao học, rất lo

ngại về khả năng chương trình OPT hoặc thị thực lao động sẽ có những hạn chế trong tương lai. Nhìn chung, sinh viên quốc tế đến từ Ấn Độ và Trung Quốc (bất kể trình độ học thuật), chiếm hơn một nửa trong số thực tập sinh của OPT từ năm 2012 đến năm 2015, theo một phân tích của Trung tâm nghiên cứu Pew.

Chương trình OPT - giai đoạn tiếp theo của dòng chảy tài năng, là nơi mà số lượng sinh viên quốc tế tăng lên trong vài năm qua, với ngày càng nhiều sinh viên tận dụng cơ hội vừa học vừa làm. Do đó, số lượng sinh viên được tính trong hệ thống giáo dục đại học của Hoa Kỳ càng nhiều hơn, trong khi đó việc tuyển sinh viên mới lại không phát triển cùng tốc độ. Vào mùa thu năm 2016, đã có 175 ngàn sinh viên tham gia chương trình OPT, chủ yếu là nhờ mở rộng cho sinh viên STEM, những người có thể ở lại Hoa Kỳ trong 36 tháng theo các điều khoản của chương trình.

---

### **Sinh viên cao học quốc tế ở Hoa Kỳ chủ yếu đến từ châu Á (73%), một nửa trong số đó là từ Ấn Độ và Trung Quốc.**

---

Phần lớn sinh viên cao học quốc tế (62%) thuộc về các lĩnh vực STEM và do đó tận dụng được tùy chọn OPT mở rộng. Tuy nhiên, điều này cũng dẫn đến tình huống là có nhiều sinh viên cao học quốc tế hoàn thành OPT, nhưng số thị thực H1B (thị thực lao động tạm thời, không cho phép nhập cư) lại không đủ cho những người muốn ở lại trong lực lượng lao động. Một phân tích của Trung tâm Nghiên cứu Pew cho thấy các đơn xin cấp thị thực H1B đã vượt quá lượng cung trong 5 năm qua. Thực tế, 41% quản trị viên các trường đại học đã báo cáo về sự sụt giảm số lượng sinh viên nhập học mới trong cuộc khảo sát nhanh của IIE vào mùa thu năm 2017, điều này cho thấy sự giảm sút này có thể có nguyên nhân là sinh viên lo ngại không tìm được việc làm tại Hoa Kỳ sau khi hoàn thành chương trình học.

Một thách thức nữa trong việc duy trì sinh viên cao học quốc tế liên quan đến hỗ trợ tài chính, và thực tế là từ lâu sinh viên vẫn dựa vào nguồn học bổng trợ giảng và phụ tá nghiên cứu do các khoa của họ cung cấp. Một thập kỷ trước, trong năm 2006-2007, tỷ lệ vẫn tương đối cân bằng giữa số

lượng sinh viên cao học quốc tế tự chi trả học phí từ nguồn cá nhân (45,4%) và số lượng sinh viên được các trường đại học và cao đẳng cấp học bổng (46,6%), chủ yếu thông qua các hình thức trợ giảng và phụ tá nghiên cứu. Một thập kỷ sau, tỷ lệ sinh viên cao học tự chi trả học phí bằng các nguồn lực của cá nhân và gia đình đã tăng lên 61%. Điều này có thể do kết hợp của nhiều lý do, bao gồm việc số lượng sinh viên quốc tế học thạc sĩ ngày càng tăng, và họ khó nhận được công việc trợ giảng hoặc phụ tá nghiên cứu thường đòi hỏi trình độ tiến sĩ; lý do khác nữa là nguồn tài chính hỗ trợ sinh viên cao học (cả trong nước và quốc tế) cũng giảm đi. Thêm vào đó, chi phí trung bình để một sinh viên quốc tế lấy được bằng thạc sĩ tại một trường công lập tại Hoa Kỳ đã tăng 52% trong giai đoạn 2008-2016 và tăng 46% tại các trường tư nhân.

Không nên đánh giá thấp hiệu ứng cấp số nhân của các sinh viên cao học quốc tế và những gì họ mang lại cho doanh nghiệp giáo dục đại học ở Hoa Kỳ. Một phân tích gần đây năm 2017, của Kevin Shih cho thấy sinh viên cao học quốc tế giúp mở rộng tuyển sinh cao học trong nước, đồng thời trợ cấp cho việc tuyển sinh trong nước. Về phần những sinh viên cao học quốc tế ở lại, nhiều người tiếp tục đóng góp cho nền kinh tế tri thức của Hoa Kỳ. Ví dụ, có một tỷ lệ đáng kể các doanh nghiệp ở thung lũng Silicon được thành lập bởi những người được coi là doanh nhân nhập cư mới - hầu hết trong số họ đến Hoa Kỳ với tư cách là sinh viên quốc tế - và nhiều người Mỹ giành giải Nobel trước đây cũng đến đất nước này như sinh viên cao học quốc tế. Cuối cùng, những người trở về quê hương của họ giúp thiết lập mối quan hệ thương mại, ngoại giao và giáo dục giữa các nước khác và Hoa Kỳ, đặc biệt là dưới hình thức nghiên cứu chung và hợp tác quốc tế.

## Phân hiệu đại học quốc tế: định nghĩa mới

**Stephen Wilkins và Laura E. Rumbley**

*Stephen Wilkins là Phó Giáo sư môn Quản trị kinh doanh của Đại học Anh ở Dubai, UAE. E-mail: stephen.wilkins@buid.ac.ae. Laura E. Rumbley là Trợ lý Giáo sư về thực hành và là Phó Giám đốc Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Đại học Boston, Mỹ. E-mail: rumbley@bc.edu*

Theo Tổ chức Quan sát Giáo dục đại học Không biên giới (OBHE) và Nhóm Nghiên cứu Giáo dục xuyên biên giới (C-BERT), đến cuối 2017 đã có 263 phân hiệu đại học quốc tế hoạt động trên toàn thế giới. Mặc dù phân hiệu đại học quốc tế đã trở thành một phần của trường phái giáo dục đại học xuyên biên giới - và OBHE, C-BERT, HESA đã đưa ra định nghĩa về hiện tượng này (Thống kê Giáo dục đại học Cơ quan của Vương quốc Anh), nhưng phân hiệu đại học quốc tế thực sự là gì vẫn còn là vấn đề gây nhiều tranh cãi.

Trong bất kỳ lĩnh vực học thuật nào, các nhà nghiên cứu cần phải sử dụng thuật ngữ và định nghĩa như nhau, nếu không độc giả sẽ hiểu sai ý nghĩa và việc đối chiếu kết quả trở nên vô nghĩa, ít nhất là ở một mức độ nào đó. Do đó, việc làm rõ phân hiệu đại học quốc tế là gì và không là gì cần được quan tâm hơn.

---

**Định nghĩa của CBERT bỏ qua một số tính chất quan trọng về việc bản chất của phân hiệu là gì, đặc biệt là việc các thuật ngữ “phân hiệu” và “cơ sở” được sử dụng trong kinh doanh và giáo dục đại học như thế nào.**

---

### Tiếp tục định nghĩa hiện tại

Trong vài năm trở lại đây, định nghĩa về phân hiệu đại học quốc tế được các nhà nghiên cứu sử dụng thường xuyên nhất là định nghĩa của CBERT. Định nghĩa này đã được sửa đổi đôi chút trong báo cáo OBHE/CBERT về phân hiệu đại học quốc tế, tháng 11 năm 2016, như sau:

*“Là một thực thể, trong đó nhà cung ứng giáo dục nước ngoài sở hữu, ít nhất là một phần; hoạt động dưới tên của nhà cung ứng giáo dục nước ngoài; và cung cấp toàn bộ chương trình đào tạo, chủ yếu là tại chỗ, để lấy bằng cấp của nhà cung ứng giáo dục nước ngoài.”*

Định nghĩa này là một xuất phát điểm đúng đắn đối với các nhà nghiên cứu. Tuy nhiên, nó bỏ qua một số tính chất quan trọng về việc bản chất của phân hiệu là gì, đặc biệt là việc các thuật ngữ “phân hiệu” và “cơ sở” được sử dụng trong kinh doanh và giáo dục đại học như thế nào. Trong lúc các chi nhánh quốc tế thường không được coi là những tổ chức kinh doanh, thực tế họ vẫn là một phần của

các doanh nghiệp đa quốc gia (MNE), bởi vì thuật ngữ “MNE” dùng cho bất kỳ tổ chức nào tham gia đầu tư trực tiếp ở nước ngoài (FDI) và hoạt động ở nhiều nước. Các khái niệm và điều kiện kinh doanh có thể giúp ta tìm hiểu phân hiệu đại học quốc tế là gì, do đó, có thể xây dựng một định nghĩa rõ ràng và khả thi hơn.

Định nghĩa của OBHE/C-BERT về phân hiệu đại học quốc tế không chỉ bỏ qua một số tính chất quan trọng, mà còn đặt ra những tiêu chí không cần thiết. Trong kinh doanh, các ngân hàng, khách sạn hoặc công ty bán lẻ không phải lúc nào cũng cung cấp đúng các sản phẩm và dịch vụ như nhau ở mọi chi nhánh; tương tự, có vẻ như không cần thiết phải nhấn mạnh rằng cơ sở đào tạo ở nước ngoài “cung cấp toàn bộ chương trình đào tạo” hoặc chương trình “để lấy bằng cấp” để được phân loại là một phân hiệu đại học quốc tế. Trên thực tế, rất nhiều khả năng có thể xem xét. Chương trình đào tạo cho các phân hiệu nên mang tên của tổ chức nước ngoài, nhưng không nên bao gồm cả chương trình tại các trung tâm đào tạo ở nước ngoài, vì những trung tâm này có thể được thiết kế chủ yếu nhằm cung cấp trải nghiệm học tập ngắn hạn cho sinh viên đến từ cơ sở chính của trường.

### Các tính chất cốt lõi

Cách hiểu tinh tế về cơ sở phân hiệu đại học quốc tế bao gồm một số tính chất cốt lõi, như mô tả dưới đây.

- *Quyền sở hữu, một tiêu chí quan trọng:* phân hiệu đại học quốc tế do một tổ chức giáo dục đại học nước ngoài sở hữu, ít nhất là một phần. Các trường được nước ngoài hậu thuẫn như Đại học Hoa Kỳ ở Beirut hoặc Đại học Anh tại Dubai không phải là phân hiệu quốc tế vì đây là những trường tư thực điển hình, áp dụng hệ thống giáo dục đại học nước ngoài, thường liên quan đến kiểm định chất lượng bởi các tổ chức nước ngoài. Các liên đoàn hay hệ thống giáo dục, kiểu như Đại học Hồi giáo Azad, có bốn cơ sở bên ngoài Iran, cũng không được coi là phân hiệu, vì không có cơ sở “mẹ” rõ ràng.
- *Kết quả kinh doanh:* MNE đầu tư ở nước ngoài, thường là triển khai hoạt động ở các nước này. Nếu trường chính chỉ nhận được một khoản phí cố định hoặc hoa hồng dựa

trên số sinh viên nhập học, thì rõ ràng là trường chính không thực sự “sở hữu” cơ sở đang hoạt động ở nước ngoài, và đó không phải là một phân hiệu đại học quốc tế.

- *Kiểm soát thực chất là rất quan trọng:* Trường chính có thể không thực sự sở hữu đất hoặc cơ ngơi mà phân hiệu đang hoạt động, nhưng nó sở hữu tên thương hiệu, và chịu trách nhiệm về chương trình giảng dạy và chứng nhận kiểm định. Dù chính phủ nước sở tại có thể cung cấp đầu tư tài chính cần thiết để thành lập các phân hiệu - như Abu Dhabi đầu tư vào Đại học New York và Paris Sorbonne - khi phân hiệu thực sự được thành lập, trường chính vẫn nắm quyền kiểm soát ở một mức độ nào đó, thông qua các quyết định chiến lược, chẳng hạn như quy mô hoạt động, chương trình giảng dạy và chỉ định giảng viên. Trường chính cũng chịu trách nhiệm về các tiêu chuẩn học thuật và đảm bảo chất lượng.
- *Quan hệ đối tác:* Nếu một cơ sở nước ngoài thực sự là một phân hiệu đại học quốc tế, nó sẽ được công nhận như vậy trên các trang web của trường chính và của chính phân hiệu. Ví dụ, trang web của Đại học Westminster đề cập đến Đại học Quốc tế Westminster ở Tashkent là một trường đối tác, chứ không phải là một phân hiệu. Tương tự, Đại học Xi'an Jiaotong-Liverpool ở Trung Quốc và Yale-NUS College ở Singapore, - cả hai đều là kết quả quan hệ đối tác, mà không được bất kỳ tổ chức sáng lập nào mô tả là một phân hiệu. Tuy nhiên, một số phân hiệu cũng có cấu trúc sở hữu hợp danh. Đối tác có thể là chủ doanh nghiệp tư nhân, công ty vì lợi nhuận hoặc đại học phi lợi nhuận. Ví dụ, cơ sở Heriot-Watt ở Dubai có công ty tên là Study World đồng sở hữu. Lợi nhuận thu được từ hoạt động của cơ sở được chia sẻ giữa hai tổ chức.
- *Có khuôn viên:* Cuối cùng, để được công nhận là một phân hiệu, cơ sở hạ tầng phải phù hợp với định nghĩa về khuôn viên. Từ “khuôn viên” có nghĩa là các mặt bằng và tòa nhà của một cơ sở giáo dục và hàm ý rằng sinh viên được tiếp nhận một trải nghiệm



học tập nhất định. Tuy nhiên, nhiều trường đại học chỉ vận hành những trạm tiền đồn ở nước ngoài để đào tạo một vài trình độ, và chỉ chiếm một số phòng trong một tòa nhà văn phòng; những trường khác sử dụng giảng viên thỉnh giảng ở nước sở tại. Một phân hiệu đại học tối thiểu phải có thư viện, phòng máy tính truy cập mở và nhà ăn cho sinh viên.

### Định nghĩa mới và tiếp tục chỉnh sửa

Cách hiểu tinh tế về phân hiệu quốc tế gọi ra một định nghĩa mới cho khái niệm này. Định nghĩa mới đề cập tới những yếu tố quan trọng có thể mô tả hiện tượng này một cách lý tưởng nhất:

*“Phân hiệu đại học quốc tế là một thực thể do một tổ chức giáo dục đại học cụ thể ở nước ngoài sở hữu, ít nhất là một phần; tổ chức này, ở một mức độ nào đó, chịu trách nhiệm về chiến lược tổng thể và đảm bảo chất lượng của phân hiệu. Phân hiệu hoạt động dưới tên của tổ chức nước ngoài và cung cấp chương trình và/hoặc chứng nhận mang tên của tổ chức nước ngoài. Phân hiệu có cơ sở hạ tầng cơ bản, chẳng hạn như thư viện, phòng máy tính truy cập mở và nhà ăn, và nói chung, sinh viên tại phân hiệu có được trải nghiệm học tập tương tự như sinh viên tại cơ sở chính”.*

Giáo dục đại học xuyên quốc gia vận hành trong vô số hình thức và phương thức. Mặc dù bài viết này xác định một số tính chất cốt lõi của phân hiệu đại học quốc tế, nhưng các cơ sở này vẫn có nhiều điểm khác nhau. Ví dụ, việc chia sẻ khuôn viên, ở các nước như Malaysia và Các Tiểu vương quốc Ả rập thống nhất nhiều trường dùng chung cơ sở hạ tầng như căng tin, sân thể thao. Vì vậy, tuy định nghĩa mà chúng tôi đề xuất có thể là một sự cải tiến so với định nghĩa đã có, ở một mức độ nào đó vẫn luôn cần những đánh giá cá nhân để phân loại một số cơ sở nhất định.

## Phân hiệu đại học quốc tế: các yếu tố thành công

**Richard Garrett**

*Richard Garrett là Giám đốc của Tổ chức Quan sát Giáo dục đại học Không biên giới. E-mail: richard.garrett@i-graduate.org.*

Tháng 11 năm 2017, Tổ chức Quan sát Giáo dục đại học Không biên giới (OBHE), cố vấn về giáo dục xuyên quốc gia, học tập trực tuyến, và các hoạt động đổi mới khác, đã công bố phần hai báo cáo mới nhất của họ về các phân hiệu đại học quốc tế (IBC). Phần thứ nhất tập trung vào số lượng IBC, xuất bản vào tháng 11 năm 2016 và được đăng trong tạp chí Giáo dục đại học quốc tế mùa xuân năm 2017. Cả hai phần của báo cáo được thực hiện chung với Nhóm Nghiên cứu Giáo dục xuyên biên giới (C-BERT) của Đại học bang New York tại Albany và Đại học bang Pennsylvania. OBHE và C-BERT là hai tổ chức uy tín hàng đầu thế giới về phân hiệu đại học quốc tế. Định nghĩa của chúng ta về phân hiệu đại học quốc tế là “Một thực thể, trong đó nhà cung ứng giáo dục nước ngoài sở hữu, ít nhất là một phần; hoạt động dưới tên của nhà cung ứng giáo dục nước ngoài; và cung cấp toàn bộ chương trình đào tạo, chủ yếu là tại chỗ, để lấy bằng cấp của nhà cung ứng giáo dục nước ngoài.”

Phần thứ hai của báo cáo xem xét các yếu tố thành công của các phân hiệu đại học quốc tế trưởng thành. Dựa trên các cuộc phỏng vấn kỹ lưỡng với lãnh đạo của các IBC được lựa chọn, phần này đánh giá sự tiến bộ về mặt tổ chức, mối quan hệ với trường mẹ, kỳ vọng và kết quả, cuối cùng xác định và thảo luận về những mô hình và thực tiễn đã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động lâu dài của các phân hiệu đại học quốc tế này. Bản báo cáo cũng bao gồm một danh sách đầy đủ và cập nhật những IBC nổi tiếng đang hoạt động, cùng với dữ liệu về năm thành lập, số lượng các chương trình cung cấp, số lượng sinh viên (nếu có), và những IBC đang phát triển.

Số lượng IBS vẫn tiếp tục tăng lên, với 263 phân hiệu đại học quốc tế trên toàn thế giới vào cuối năm 2017. Khoảng một nửa (130) số trường này đã trên 10 tuổi. Việc có 133 IBC mới được thành lập cho thấy rằng IBC tiếp tục là một hình thức phù hợp và hấp dẫn của giáo dục đại học xuyên quốc gia, mặc dù liên quan tới đầu tư và rủi ro. Tham vọng phía sau nhiều IBC khiến chúng đặc biệt hấp dẫn. Cho đến thời điểm này, một số ít nghiên cứu về các yếu tố góp phần vào sự thành công lâu dài và bền vững của các phân hiệu đại học quốc tế đã hoàn thành.

Báo cáo mới này xem xét 8 IBC trưởng thành, được thành lập bởi các trường có trụ sở tại Úc, Pháp, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, với IBC tại

Áo, Bỉ, Trung Quốc, Pháp, Malaysia, Singapore, Thụy Sĩ, Các tiểu Vương quốc Ả rập và Việt Nam: đó là Đại học Curtin (Đại học Curtin, Malaysia); ESSEC Business School (ESSEC Châu Á - Thái Bình Dương); Viện Công nghệ Georgia (Georgia Tech-Lorraine); Đại học Heriot-Watt (Đại học Heriot-Watt Dubai); Viện Công nghệ Hoàng gia Melbourne (RMIT Việt Nam); Đại học Kent (Brussels School of International Studies, Đại học Kent); Đại học Nottingham (Đại học Nottingham Ningbo Trung Quốc; Đại học Nottingham, Cơ sở Malaysia); Đại học Webster (Đại học Webster, Cơ sở Geneva; Đại học Webster, Cơ sở Vienna).

---

**Lãnh đạo các cơ sở trường thành nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có mối quan hệ làm việc tích cực với các cơ quan quản lý địa phương và tuân thủ các quy định của địa phương.**

---

Những cuộc phỏng vấn kỹ lưỡng lãnh đạo các trường và các phân hiệu, cùng với thông tin do trường cung cấp và được công bố rộng rãi, cho thấy một cái nhìn đa chiều về những yếu tố đã giúp các IBC hoạt động thành công và bền vững. Các yếu tố thành công quan trọng và các mốc phát triển, bao gồm:

#### Tích hợp về mặt thể chế

- Nguồn gốc: IBC thường bắt nguồn từ mong muốn nâng cao uy tín toàn cầu, mặc dù quan hệ cá nhân và thời điểm cũng đóng vai trò quan trọng. Hầu hết các trường mẹ đều đã có trải nghiệm trong quan hệ đối tác quốc tế và hoạt động qua biên giới.
- Tích hợp thể chế: Trong mọi trường hợp, IBC có sự hỗ trợ mạnh mẽ từ các cấp cao nhất của đại học và được tích hợp vào các nhiệm vụ học thuật và quản trị của trường, trái ngược với tình trạng bị bung bít và tách biệt hoàn toàn.
- Tự định danh: Không ai trong số các nhà lãnh đạo IBC được phỏng vấn sử dụng thuật ngữ “phân hiệu đại học quốc tế” khi định danh mình; đa số đều thích thuật ngữ nhấn mạnh là một tổ chức độc lập có sự hiện diện quốc tế.

- Hợp tác lãnh đạo: Lãnh đạo của trường mẹ và các phân hiệu có mối quan hệ chặt chẽ, thường xuyên liên lạc với nhau. Việc ra quyết định thường là một quá trình cộng tác, với một số quyền tự chủ dành cho IBC.
- Đo lường thành công: Tiến độ được trường mẹ theo dõi, giám sát và hỗ trợ, mặc dù IBC được tự chủ hoạt động ở một mức độ nào đó để đạt được mục tiêu cụ thể của nó.

#### Hỗ trợ của nước chủ nhà và các nguồn tài nguyên

- Phát triển quan hệ: Quan hệ với đối tác/chính quyền địa phương của nước sở tại tiến triển theo thời gian. Ví dụ, Cơ quan phát triển tri thức và nguồn nhân lực (KHDA), cơ quan quản lý và đảm bảo chất lượng giáo dục của chính phủ Các Tiểu vương quốc Ả Rập không tồn tại ở thời điểm Heriot-Watt Dubai được thành lập vào năm 2005, mặc dù hai thực thể này hiện đang hợp tác rất chặt chẽ. Mối quan hệ với các đối tác hoạt động tại địa phương thích ứng với nhu cầu và khả năng thay đổi.
- Tài chính và các nguồn lực: trường mẹ và phân hiệu tập trung vào chất lượng nhiều hơn là lợi nhuận, nhưng hiển nhiên vẫn đặt ra mục tiêu là sự bền vững về tài chính. Một số phân hiệu hoạt động bị lỗ hoặc trường mẹ phải trợ cấp trong những thời kỳ nhất định. Thông thường một phần hoặc toàn bộ lãi ròng được tái đầu tư vào phân hiệu. Trong một số trường hợp, những hạn chế của chính phủ sở tại cũng là yếu tố tác động đến tình trạng tài chính của phân hiệu.
- Địa điểm: IBC có xu hướng được bố trí gần các IBC khác hoặc các trung tâm giáo dục xuyên quốc gia khác, nếu chọn địa điểm ở nơi khác thường là vì những lý do đặc biệt, chẳng hạn như kết nối địa phương hoặc các lý do liên quan tới sứ mệnh.

#### Môi trường định chế và học thuật

- Hợp tác: Lãnh đạo các phân hiệu trường thành nhấn mạnh tầm quan trọng của việc có mối quan hệ làm việc tích cực với cơ quan quản lý địa phương và tuân thủ các quy định của địa phương.

- **Nghiên cứu:** Nếu các phân hiệu có tiến hành nghiên cứu, thì đây là một hoạt động theo nhu cầu và khả năng của địa phương, khu vực và quốc gia. Có sự hợp tác chủ động giữa trường mẹ và những phân hiệu thực hiện nghiên cứu.
- **Giảng viên và nhân viên:** Theo thời gian, có sự ưu tiên rõ ràng cho việc sử dụng giảng viên trong nước, và tránh mô hình “giảng viên bay” đến và đi. Các IBC trưởng thành đã bắt đầu phát triển đội ngũ giảng viên và những vấn đề thực tiễn học thuật của nước chủ nhà, đặc biệt là xung quanh phương pháp sư phạm và đánh giá quá trình học tập của sinh viên.
- **Quan hệ cựu sinh viên:** Theo dõi và thu hút hội cựu sinh viên của IBC được thừa nhận là một hướng then chốt để thành công lâu dài, nhưng thường mới ở giai đoạn non trẻ.

#### Trải nghiệm của sinh viên

- **Lực lượng sinh viên:** lãnh đạo IBC nhận thức sinh viên của họ là sinh viên quốc tế hoặc có xu hướng quốc tế, cởi mở với các mô hình giáo dục mới. IBC có xu hướng tuyển nhiều sinh viên quốc tế cũng như sinh viên nội địa, tùy thuộc vào nước sở tại.
- **Mô phỏng ở mức độ tương đối:** Các trường nhấn mạnh sự nhất quán về tiêu chuẩn và thực tiễn học thuật giữa cơ sở chính và tất cả các IBC. Các mảng khác (trải nghiệm sinh viên, cung cấp chương trình, cơ cấu phí, mô hình nhân sự, v.v...) có thể đa dạng hơn, phù hợp với nhu cầu và chuẩn mực của địa phương.
- **Dịch chuyển của sinh viên:** Mặc dù hoạt động dịch chuyển sinh viên giữa các cơ sở của trường được xem là một trụ cột trong chiến lược của IBC, nhưng điều đó không phải lúc nào cũng được như mong muốn và thường bị lệch theo một hướng.
- **Triển khai trực tuyến:** Các IBC có khả năng sử dụng công nghệ trực tuyến để kết nối sinh viên và chương trình đào tạo giữa các cơ sở, nhưng đây chỉ là một thành phần nhỏ trong mô hình triển khai hiện tại.

Báo cáo đầy đủ dài 90 trang đưa thêm khá nhiều

chi tiết về 8 IBC trưởng thành được nghiên cứu, gồm cả trích dẫn từ các cuộc phỏng vấn với các nhà lãnh đạo trường và phân hiệu. Cả hai phần báo cáo về IBC đều sẵn có, miễn phí đối với các thành viên và tính phí với những người không phải là thành viên của Tổ chức quan sát. Có thể liên hệ info@obhe.org để đăng nhập chi tiết hoặc mua báo cáo này.

## Vay nợ để học đại học ở Hoa Kỳ: mỹ từ và thực tế

**Sandy Baum**

*Sandy Baum là Nghiên cứu viên tại Viện Urban, Washington, DC, Mỹ. E-mail: sbaum@urban.org.*

Những ý kiến cho rằng việc sinh viên phải vay nợ “đang đè nén một thế hệ” tràn ngập các cuộc thảo luận về giáo dục đại học tại Hoa Kỳ. Giai thoại về các cựu sinh viên phải vật lộn với những món nợ lớn và thu nhập thấp phủ đầy mặt báo, và các ứng viên chính trị thể sẽ làm cho đại học trở thành “miễn nợ”. Hệ thống giáo dục đại học, trong thực tế, có những vấn đề quan trọng mang tính hệ thống, nhưng hầu hết những chuyện đang thu hút sự chú ý của dư luận lại không phải là điển hình. Cuộc khủng hoảng thật sự bị che khuất bởi những lời kêu gọi giảm bớt gánh nặng cho những người trẻ tuổi vừa tốt nghiệp đại học, những người mà trên thực tế lại thuộc nhóm có triển vọng cuộc sống hứa hẹn nhất.

Trình độ giáo dục cao có liên quan với mức thu nhập cao, nên những người vay nợ để học tập thường tương đối sung túc. Trong năm 2013, sinh viên xuất thân từ 25% hộ gia đình có thu nhập cao nhất vay gần một nửa tổng số tín dụng dành cho sinh viên khá giỏi. Sinh viên xuất thân từ 25% hộ gia đình có thu nhập thấp nhất chỉ chiếm 11% tổng số tín dụng. Những người đang chật vật kiếm sống là những người không học đại học và thậm chí chưa tốt nghiệp trung học. Một số người vay nợ để học tập phải đối mặt với những vấn đề thực tế mà chính sách công cần giải quyết. Tuy nhiên, những đề xuất về việc giảm nợ cho sinh viên nói chung lại mang lại lợi ích lớn nhất cho những người có thu nhập tương đối cao.



---

**Ý kiến cho rằng việc sinh viên phải vay nợ “đang đè nén một thế hệ” tràn ngập các cuộc thảo luận về giáo dục đại học tại Hoa Kỳ.**

---

### Những thông tin cơ bản về nợ của sinh viên

Báo chí tìm thấy vài cá nhân sinh viên nợ số tiền cao đến mức kinh ngạc và có ít triển vọng công việc, nhưng hai phần ba những người sử dụng khoản vay dành cho sinh viên khá giỏi nợ ít hơn 25 ngàn đô la. Chỉ 5% nợ tới 100 ngàn đô la. Hai phần ba sinh viên khi tốt nghiệp nợ từ 50 ngàn đô la trở lên, 94% những người nợ từ 100 ngàn đô la trở lên có trình độ sau đại học. Nợ trung bình trong năm 2015-2016 của những người đã nhận bằng cử nhân tại các trường đại học, cao đẳng công và tư phi lợi nhuận - những người trước đó đã vay tiền để đi học - là 28.4 ngàn đô la; khoảng 40% không vay nợ. Trong thực tế, thu nhập trung bình của những người trong khoảng từ 25 đến 34 tuổi, có bằng cử nhân, cao hơn 18.9 ngàn đô la so với mức trung bình của những người có chỉ có bằng tốt nghiệp trung học năm 2015, cho nên đây không phải là một con số đáng sợ.

Tuy nhiên mức nợ đã tăng nhanh chóng. Trong giai đoạn giữa niên khóa 2003-2004 và 2011-2012, tỷ lệ người nhận bằng cử nhân tại Mỹ có vay nợ từ 40 ngàn đô la (tính theo giá trị đô la năm 2012) trở lên tăng từ 2% lên 18%, từ 1% lên 12% tại các trường đại học, cao đẳng công lập (khu vực này chiếm hai phần ba tổng số bằng cử nhân), và từ 4% lên 48% trong các trường vì lợi nhuận (khu vực này chiếm 8% tổng số bằng cử nhân trong năm 2011-2012).

Những cuộc thảo luận về “cuộc khủng hoảng nợ sinh viên” đã bỏ qua việc phân loại các nhóm sinh viên. Ví dụ, chỉ có 11% sinh viên, những người đã hoàn thành bằng cử nhân trong 2011-2012 khi họ 23 tuổi hoặc trẻ hơn, vay tới 40 ngàn đô la, nhưng khoảng 30% số người tốt nghiệp ở độ tuổi 30 trở lên vay nợ ở mức này. Sinh viên da đen ít có khả năng tốt nghiệp mà không nợ nần, và số người vay nợ từ 40 ngàn đô la trở lên nhiều hơn nhiều so với các nhóm dân tộc/chủng tộc khác. Các yếu tố góp phần vào điều này bao gồm thu nhập thấp, cuộc sống kém sung túc trong các gia đình da đen,

thời gian học lấy bằng lâu hơn, và tỷ lệ tuyển sinh viên da đen vào các trường vì lợi nhuận không cân xứng.

### Khi người vay không trả được nợ

Một phần tư tổng số sinh viên đang vay nợ tham gia vào chương trình lựa chọn trả-nợ-theo-thu-nhập của liên bang, chương trình này giới hạn các khoản thanh toán hàng tháng với số tiền phải chăng. Nhưng không giống như sinh viên ở một số nước khác, sinh viên Mỹ phải vượt qua rất nhiều rào cản quan liêu để được tham gia vào các chương trình này và nhiều người vay vẫn bị vỡ nợ.

Tỷ lệ vỡ nợ cao nhất lại xảy ra trong nhóm sinh viên có mức nợ thấp nhất; hai phần ba những người vỡ nợ có mức nợ 10 ngàn đô la hoặc ít hơn. Tỷ lệ vỡ nợ của những người vay tiền để học tập nhưng không hoàn thành chương trình bằng cấp cao hơn 2-3 lần so với những người tốt nghiệp. Tỷ lệ này của những sinh viên học trong các trường vì lợi nhuận hoặc các chương trình 2 năm ở trường công cao hơn rất nhiều so với những sinh viên theo học chương trình bốn năm trong các trường đại học, cao đẳng công và trường tư phi lợi nhuận. Một lần nữa, thường xuyên xuất hiện trên bia báo lại không phải những sinh viên đại học truyền thống, mà là những sinh viên phi truyền thống - lớn tuổi hơn, độc lập, đang theo đuổi học vấn nghề nghiệp, nhiều người trong số họ khó có khả năng trả nợ.

### Giải pháp đẩy hứa hẹn

Câu chuyện gây hoang mang về nợ sinh viên làm xao lãng khỏi những vấn đề nghiêm trọng có thể được giải quyết mà không làm thay đổi hoàn toàn hệ thống tài chính giáo dục đại học, hoặc ngẫu nhiên và tùy tiện chuyển dịch gánh nặng từ những người được hưởng lợi nhiều nhất từ giáo dục đại học sang người nộp thuế nói chung. Quá nhiều sinh viên vay tiền để vào học tại những trường đại học và chương trình mà họ không có khả năng tốt nghiệp và/hoặc ngay cả khi họ tốt nghiệp, cũng ít có khả năng đóng góp tích cực vào thị trường lao động. Sự suy thoái gần đây làm các vấn đề này thêm trầm trọng. Nhiều người trưởng thành khi không tìm được việc làm đã quay trở lại trường học, thường là vào các trường vì lợi nhuận đắt đỏ. Học phí trong các trường cao đẳng, đại học công lập tăng lên nhanh chóng và khả năng hỗ trợ sinh

viên của các gia đình ít đi. Những sinh viên đã hoàn thành chương trình đại học tham gia vào lực lượng lao động trong khi nền kinh tế còn yếu và tỷ lệ thất nghiệp cao.

Một số phương-án-có-mục-tiêu-cụ-thể sẽ công bằng và hiệu quả hơn là những chính-sách-giảm-nợ rộng rãi. Sinh viên Mỹ cần được chuẩn bị tốt hơn về mặt học thuật trước khi vào đại học, cần được hướng dẫn kỹ hơn về việc lựa chọn trường và chương trình học; chính sách chất lượng của giáo dục đại học, và các hệ thống hỗ trợ sinh viên cũng cần phải tốt hơn. Hoa Kỳ cần đặt ra quy định chặt chẽ hơn cho các trường tham gia vào các chương trình hỗ trợ sinh viên của liên bang và có những chính sách ưu đãi mạnh hơn để khuyến khích các trường cải thiện hiệu suất và giảm mức nợ của sinh viên. Chúng ta nên hạn chế hình thức cho vay với định mức thấp hơn đối với sinh viên bán thời gian và bằng cách theo dõi sát sao quá trình học tập ở các trường họ tham gia để tránh tình trạng sinh viên ngày càng tích lũy nhiều nợ hơn nhưng lại không đạt được bất kỳ chứng nhận nào. Và chúng ta nên dừng việc cho phép sinh viên sau đại học và phụ huynh của sinh viên đại học vay tiền để trang trải chi phí bất kể những chi phí đó cao hay thấp.

Hoa Kỳ cần một kế hoạch trả-nợ-theo-thu-nhập duy nhất, trong đó người vay sẽ được thiết lập tự động và việc trả nợ sẽ được khấu trừ từ tiền lương, theo cách của những hệ thống đã có ở một số quốc gia khác. Xóa phần nợ chưa thanh toán hết sau một khoảng thời gian là hợp lý, nhưng nên thiết lập các điều kiện để hầu hết người vay trả được toàn bộ số nợ của họ. Tổng số tiền trả nợ phải bao gồm một tỷ lệ lãi nhất định tính trên số tiền vay và cần giới hạn khoản nợ có thể xóa.

### Kết luận

Các khoản vay nợ để học tập ảnh hưởng nghiêm trọng tới nhiều cựu sinh viên. Nhưng việc liên bang mở rộng tín dụng cho sinh viên đại học giúp nhiều người, đặc biệt những người có khả năng tài chính hạn chế, có thể theo đuổi việc học tập sau trung học, ghi danh và thành công trong một trường đại học thích hợp. Một số chính sách nhằm giảm bớt gánh nặng nợ nần, nghe có vẻ tiến bộ, nhưng thực tế lại tước đi các khoản trợ cấp của những người cần chúng nhất.

Những người gặp khó khăn nhiều nhất trong việc trả nợ là những người trước đây vay số tiền tương đối nhỏ, nhưng lại không có được bằng cấp hay chứng nhận có giá trị đối với thị trường lao động. Xóa nợ đồng loạt hoặc thậm chí giảm lãi suất đối với khoản còn nợ sẽ mang lại lợi ích lớn nhất cho những người không thực sự cần giúp đỡ. Sinh viên không nên vay tiền để vào học trong các trường đại học có tỷ lệ tốt nghiệp rất thấp hoặc ít có cơ hội việc làm cho những người tốt nghiệp - không nên mất thời gian và công sức để theo học một trường như vậy, ngay cả khi không cần đi vay. Điều này không có nghĩa là tất cả các khoản vay để học đại học là xấu. Chỉ là cần cân nhắc thận trọng và có đủ thông tin.

Tạo ra các cơ hội giáo dục chất lượng cao đòi hỏi nhiều nguồn lực đáng kể. Ai đó cần phải trả tiền. Sinh viên đang và cần có trách nhiệm trả một phần kinh phí cho giáo dục. Thừa nhận thực tế đó, và nỗ lực để phát triển một hệ thống có khả năng chuẩn bị và bảo vệ những người đang tìm cách đầu tư cho bản thân thông qua giáo dục sau trung học; điều này cần được nhấn mạnh trong chương trình nghị sự về chính sách quốc gia.

## Vay học phí tín chấp bằng thu nhập tương lai (ICL): không phải là giải pháp thần kỳ

**Ariane De Gayardon**

*Adriane De Gayardon là Nghiên cứu viên thuộc Viện Giáo dục, Trung tâm Giáo dục Đại học Toàn cầu, University College London, UK. E-mail: a.gayardon.ucl.uk.*

Đại chúng hoá giáo dục đại học và học phí tăng lên đã khiến cho chính phủ các quốc gia trên khắp thế giới phải viện đến những giải pháp chia sẻ gánh nặng ngân sách quốc gia dành cho giáo dục. Tuy nhiên, với việc học phí tăng cao, các chính phủ phải đưa ra nhiều mô hình tài chính nhằm đảm bảo sinh viên từ mọi tầng lớp xã hội đều có cơ hội tiếp cận giáo dục đại học. Mô hình tín dụng sinh viên do chính phủ bảo lãnh là một giải pháp.

Trong khi ai cũng có thể vay tiền từ các ngân hàng thương mại để mua nhà, mua xe, thì hiếm

người vay được tiền để trang trải học phí đại học. Các ngân hàng cho rằng đầu tư vào sinh viên có nhiều rủi ro, một phần là vì tỷ lệ tốt nghiệp đại học không cao, hơn nữa họ không thể siết nợ - giống như siết nhà thế chấp khi người vay mất khả năng trả nợ. Vì những lý do này, nhà nước buộc phải can thiệp sâu vào lĩnh vực tín dụng sinh viên.

### Vay học phí tín chấp bằng thu nhập tương lai (ICL)

Chính phủ thường cho vay học phí dưới hai hình thức: Thế chấp, hoặc Tín chấp bằng thu nhập sau khi ra trường (ICL: Income-Contingent Loan). Đối với dạng vay thế chấp, người vay phải hoàn trả tổng số tiền vay cùng với lãi trong một khoảng thời gian nhất định, nghĩa là hàng tháng bắt buộc phải trả một khoản cố định. Cách này có nhược điểm: giáo dục đại học không bảo đảm rằng người vay có khả năng trả nợ - điều này có thể dẫn đến nợ quá hạn, vỡ nợ và hậu quả là mất uy tín.

Mô hình ICL được thiết kế để sinh viên có thêm lựa chọn tốt hơn. Việc trả nợ được gắn với thu nhập sau khi tốt nghiệp, người vay trích một phần thu nhập để trả nợ, thường là trong một khoảng thời gian nhất định. Cách này giúp giảm nhẹ gánh nặng trả nợ. Cũng không còn tình trạng vỡ nợ, bởi vì chính phủ tự động xoá nợ khi thời hạn trả nợ kết thúc, việc này còn được gọi là “tài trợ ngầm”. ICL được nhiều nơi trên thế giới ủng hộ: nó được xem là một giải pháp hỗ trợ giáo dục đại học miễn phí vào thời điểm nhập học đồng thời đảm bảo một hình thức trả nợ hợp lý và công bằng.

### Hiện nay điều gì đang diễn ra?

Tuy nhiên, vào năm 2017, đã có những cuộc tranh luận ngày càng gay gắt về việc tài trợ cho giáo dục đại học tại ba quốc gia hàng đầu áp dụng mô hình ICL: Úc, Anh và New Zealand. Xem xét các vấn đề liên quan và học hỏi từ những quốc gia này là việc quan trọng trong bối cảnh nợ nần của sinh viên tăng cao khắp nơi trên thế giới, dẫn đến sự hiểu lầm khái niệm giáo dục đại học miễn phí.

Úc đang trong tình trạng bế tắc chính trị về vấn đề tài trợ cho giáo dục đại học. Sự cân bằng quyền lực ở thượng viện khiến nước này không thể thông qua một đạo luật nào về tài chính cho giáo dục đại học kể từ năm 2013. Các đề xuất pháp lý không được thông qua gồm bãi bỏ lệ phí, giảm ngưỡng trả nợ và bổ sung phí tín dụng sinh viên. Những

đề xuất này nhằm giảm chi phí cho Chương trình Cho vay Giáo dục Đại học (HELP), duy trì tính bền vững của nó. Tháng 12 năm 2017, chính phủ Úc áp dụng một biện pháp triệt để bằng cách đưa cải cách tài chính giáo dục đại học vào ngân sách 2018. Cải cách này hạ thấp ngưỡng thanh toán xuống còn 11 ngàn đô la Úc (9 ngàn đô la Mỹ), điều này ảnh hưởng tiêu cực đến những đối tượng có thu nhập thấp hơn, và đóng băng ngân sách dành cho đại học trong hai năm, khiến các trường giảm khả năng cấp tín dụng sinh viên. Quyết định này là một bằng chứng rõ ràng về việc chính phủ Úc không đủ khả năng duy trì hệ thống tín dụng hiện tại.

---

### **Bài học từ ba quốc gia này cho chúng ta thấy các hệ thống đang áp dụng mô hình ICL cũng gặp phải vấn đề và có thể có những chính sách sai lầm.**

---

Ở nước Anh cũng bùng nổ những cuộc tranh luận về tài chính giáo dục đại học từ khi Đảng Lao động trở nên nổi tiếng với đề xuất “giáo dục đại học miễn phí”, một biểu hiện bất mãn với hiện trạng học phí cao và mức nợ tín dụng của sinh viên gia tăng. Trong số những vấn đề đang tranh luận ở Anh, thực tế cho thấy mô hình hỗ trợ tài chính ICL đã dẫn tới lạm phát mức trần học phí, từ 1000 bảng Anh (1400 đô la Mỹ) theo khảo sát năm 1998, tăng lên thành 9250 bảng (13 ngàn đô la Mỹ) năm 2017. Tỷ lệ lãi suất cao (lên đến 3%, chưa tính lạm phát) trong quá trình học của sinh viên cũng góp phần làm tăng mức nợ và gây chán nản cho người vay học phí. Ngoài ra, từ năm 2016, các khoản tài trợ (học bổng) đã hoàn toàn biến mất và được thay bằng các khoản vay - một động thái tài chính nhằm cứu vãn thâm hụt ngân sách quốc gia. Kết quả là, những sinh viên có thu nhập thấp giờ đây sẽ là những người tốt nghiệp với khoản nợ lớn nhất - điều này cho thấy rõ hệ thống bị thụ lùi. Thêm một vấn đề đáng nói nữa là số lượng sinh viên bán thời gian sụt giảm mạnh kể từ khi mức trần học phí tăng lên vào năm 2012, cho thấy hệ thống hỗ trợ tài chính đã không tính đến đối tượng sinh viên này. Một số thay đổi đã được thực hiện, như tăng ngưỡng thanh toán để giảm bớt gánh nặng nợ nần, nhưng chính phủ Anh đang tiến hành một đánh giá tổng thể hệ thống giáo dục đại học, và hầu hết



các chuyên gia đều đồng ý rằng, dự án này sẽ dẫn đến những thay đổi lớn trong hệ thống tài chính Anh, rất có thể là giảm học phí.

Cuối cùng, New Zealand cũng đang phải vật lộn với nợ vay của sinh viên và hệ thống ICL của họ, thể hiện qua các chính sách mâu thuẫn lợi ích được ban hành trong những năm 2000 và việc tăng tỷ lệ trả nợ từ 10% lên 12% - cao hơn nhiều so với ở Anh (9%) và Úc (không quá 8%). Các tranh luận kết thúc với kết quả bầu cử chính phủ đương nhiệm vào năm 2017, với cam kết giáo dục đại học miễn phí, chia tay với mô hình ICL.

### Những bài học từ Úc, Anh và New Zealand

Bài học từ ba quốc gia này cho chúng ta thấy các hệ thống đang áp dụng mô hình ICL cũng gặp phải vấn đề và có thể có những chính sách sai lầm. Các trường hợp này cũng cho thấy cần có sự linh hoạt trong quá trình thực hiện và xác định ICL, để hệ thống có thể thích nghi với những thay đổi của bối cảnh kinh tế và xã hội. Ngoài ra, hệ thống ICL không thể tồn tại nếu không có các khoản trợ cấp ngầm từ chính phủ - để xóa những khoản nợ không được hoàn trả đủ. Yếu tố này phải được thiết kế từ đầu, bằng một quyết định có ý thức của chính phủ, là một cách tài trợ cho sinh viên.

Khi cân nhắc mức độ phù hợp của ICL với bối cảnh giáo dục đại học hiện tại, người ta dễ dàng quên một điều là ICL vẫn là một khoản vay. Điều này không chỉ có nghĩa là phần thu nhập hàng tháng còn lại sau khi trích trả nợ sẽ ít đi, mà còn là mặc cảm tâm lý về việc mang công mắc nợ. Mặc cảm nợ nần đặc biệt mạnh mẽ trong những tầng lớp xã hội thấp. Nếu ICL là lựa chọn duy nhất về tài chính, số lượng tham gia của các tầng lớp xã hội này có thể sẽ giảm xuống. Những người này cũng không có khả năng trả hết nợ, và cuối cùng chính phủ phải xóa nợ. Điều này nhấn mạnh đến sự cần thiết xây dựng một hệ thống hỗ trợ tài chính công bằng, đạt được sự cân bằng giữa hệ thống tài trợ đã được kiểm nghiệm và hệ thống ICL được thiết kế tốt, đáp ứng tốt nhất cho tất cả các đối tượng sinh viên.

## Giáo dục đại học tư thục châu Phi: chính sách tiến bộ và quan điểm nước đôi

### Wondwosen Tamrat và Damtew Teferra

*Wondwosen Tamrat là Phó Giáo sư, Chủ tịch sáng lập Đại học St. Mary, Ethiopia. E-mails: preswond@smuc.edu.et và wondwosentamrat@gmail.com. Damtew Teferra là Giáo sư phụ trách bộ phận Phát triển Giáo dục và Đào tạo Đại học KwaZulu-Natal, Nam Phi, đồng thời là Giám đốc sáng lập Mạng lưới Quốc tế về Giáo dục Đại học ở châu Phi. E-mails: teferra@ukzn.ac.za và teferra@bc.edu.*

Sự phát triển của giáo dục đại học tư thục (PHE) ở châu Phi được thúc đẩy bởi các yếu tố: khu vực công lập không đủ khả năng đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng, ngân sách hạn hẹp đòi hỏi các nguồn vốn thay thế, và các chính sách kinh tế tất yếu dẫn đến cải cách cơ cấu. Theo các tiêu chuẩn quốc tế, tăng trưởng PHE ở châu Phi vẫn còn thấp - hiện chiếm khoảng 20% tổng số sinh viên đại học. Tuy nhiên, PHE đóng vai trò rất quan trọng trong việc khắc phục những yếu kém của khu vực công, tạo ra cơ hội việc làm, nâng cao hiệu quả quản lý, và đưa văn hoá doanh nghiệp vào lĩnh vực giáo dục đại học bảo thủ truyền thống. Vai trò của chính phủ thông qua những luật và chính sách phù hợp vẫn là một trong những đòn bẩy quan trọng nhất để tạo uy tín và thúc đẩy sự phát triển của PHE. Mặc dầu vậy, những lập luận phản đối PHE cũng mạnh mẽ không kém, do những tranh cãi xung quanh việc sử dụng tiền của người nộp thuế cho các tổ chức tư thục.

Chúng tôi cho rằng mặc dù khó có thể hỗ trợ trực tiếp cho PHE và hầu hết các trường hợp sẽ gây tranh cãi, hình thức hỗ trợ gián tiếp cho các trường PHE, ngay cả trong bối cảnh cạn kiệt tài nguyên như châu Phi, có thể giúp giáo dục đại học tư thục phát triển mạnh. Loại hình hỗ trợ này được chúng tôi coi là tiến bộ, có nhiều hình thức khác nhau và sẽ được thảo luận dưới đây.

### Tín dụng và học bổng

Tín dụng cho sinh viên và/hoặc cho cơ sở giáo dục là những hình thức hỗ trợ phổ biến cho các trường PHE, mặc dù không dễ để thiết lập một cơ

chế hiệu quả ở châu Phi. Ở Kenya, sinh viên đại học tư thục được vay tín dụng do Hội đồng Tín dụng Giáo dục Đại học giải ngân. Tại Ghana, Quỹ Tín dụng Sinh viên cấp các khoản vay cho sinh viên theo học tại các trường được kiểm định - bao gồm công lập và tư thục. Quỹ Học bổng & Tín dụng Không lãi suất của Lesotho mở cửa cho tất cả sinh viên được nhận vào trường tư. Botswana cấp học bổng và tín dụng cho sinh viên các trường tư thục. Tại Nigeria, những sinh viên tư thục không được quỹ-thuế-giáo-dục-đại-học-công-lập tài trợ có thể vay học phí từ Ngân hàng Giáo dục Nigeria. Các ngân hàng tại Namibia cho vay học phí đại học với lãi suất thương mại. Quỹ học bổng Cấp tỉnh của Mozambique dành cho sinh viên nghèo, không phân biệt công lập hay tư thục. Trong khi đó, tại Ethiopia, Malawi, Mauritius, Uganda và Zimbabwe, chính phủ hoặc không có quỹ tín dụng cho sinh viên hoặc không cấp cho sinh viên tư thục, mặc dù gần đây, Bộ Giáo dục Ethiopia bắt đầu hỗ trợ kinh phí cho hoạt động đào tạo giảng viên trường tư tại các trường đại học công lập.

---

**Chúng tôi cho rằng mặc dù khó có thể hỗ trợ trực tiếp cho PHE và hầu hết các trường hợp sẽ gây tranh cãi, hình thức hỗ trợ gián tiếp cho các trường PHE, ngay cả trong bối cảnh cạn kiệt tài nguyên như Châu Phi, có thể giúp giáo dục đại học tư thục phát triển mạnh.**

---

Các khoản vay dành cho cơ sở đào tạo - với lãi suất ưu đãi - luôn hết sức cần thiết. Cơ quan Quản lý Giáo dục Tanzania khuyến khích các khoản vay và trợ cấp cho PHE để xây dựng mới và nâng cấp cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị giáo dục và phát triển nguồn nhân lực. Ở Mozambique, PHE được hưởng lợi từ Quỹ Tăng cường và Đổi mới Chất lượng, nhằm củng cố năng lực giáo dục đại học. Riêng ở Ethiopia, các khoản vay ưu đãi vốn phổ biến đối với các lĩnh vực sản xuất, thương mại và xuất khẩu, vẫn chưa dành cho PHE.

### **Doanh nghiệp phụ trợ và thuế**

Ở Kenya và Tanzania, chính phủ không tài trợ trực tiếp cho PHE, nhưng khuyến khích các

doanh nghiệp tư nhân đầu tư vào giáo dục đại học tư. Kenya khuyến khích các đại học tư thành lập doanh nghiệp phụ trợ liên quan đến hoạt động đào tạo, như nông nghiệp, nhà ăn, hiệu sách, phòng khám, tiệm giặt ủi, xưởng mộc và kinh doanh tiện nghi hội họp. Ở Tunisia, ưu đãi của chính phủ cho PHE gồm các khoản tài trợ 25% chi phí thành lập trường và 25% lương giảng viên trong vòng 10 năm. Ethiopia gần đây công bố tài trợ nghiên cứu cấp cao trong các trường đại học, nhưng vẫn chưa rõ các tổ chức tư nhân có được phép tham gia chương trình này không. Ưu đãi về thuế thường là một biện pháp phổ biến để thúc đẩy PHE tăng trưởng. Luật đầu tư của Ethiopia miễn thuế đối với vật liệu xây dựng được dùng vào việc xây dựng cơ sở giáo dục. Luật này cũng cho phép các trường PHE được miễn thuế thu nhập trong ba năm đầu; mặc dù hiệu quả hạn chế do thời gian quá ngắn đối với dự án đầu tư vào giáo dục. Chính phủ Ghana gần đây thông báo sẽ bãi bỏ 25% thuế doanh nghiệp đối với các trường đại học tư nhân để nâng cao vai trò của họ trong phát triển quốc gia.

### **Cấp đất**

Chính phủ cũng có thể hỗ trợ các cơ sở giáo dục đại học tư bằng cách cấp đất miễn phí, hoặc cho thuê giá rẻ. Điều này rất quan trọng, đặc biệt khi giá đất quá cao và các trường tư đang phải bỏ ra những khoản tiền quá sức để thuê cơ sở đào tạo. Ở Uganda, chính phủ đã tặng 300 mẫu Anh (acre) cho Đại học Mbale giúp trường này có thêm thu nhập bằng cách cho thuê. Tunisia bán đất cho các trường PHE với giá 1 dinar như một cử chỉ tượng trưng cho hỗ trợ giáo dục đại học tư. Ethiopia cũng cấp đất cho nhiều trường PHE để tạo động lực đầu tư.

### **Tạo sân chơi bình đẳng**

Tạo một sân chơi bình đẳng cho giáo dục công lập và tư thục là đường lối chính sách đặc biệt tiến bộ được các chính phủ theo đuổi. Ở Ai Cập, Cơ quan Đảm bảo Chất lượng và Kiểm định Giáo dục Quốc gia là tổ chức kiểm định độc lập đối với tất cả loại hình và trình độ giáo dục. Cũng như vậy, Hội đồng Kiểm định Quốc gia Ghana, Ủy ban Giáo dục Đại học Kenya và Hội đồng Giáo dục Đại học Uganda kiểm soát cả đại học công lập và tư thục.

Hội đồng Giáo dục Đại học Lesotho cũng phụ trách cả đại học công và tư, bất chấp những khác biệt trong cơ cấu vận hành. Tuy nhiên, ở Ethiopia các yêu cầu kiểm định vẫn tiếp tục chỉ áp dụng đối với trường tư.

### Kết luận

Giáo dục đại học tư sẽ và thậm chí có thể phát triển mạnh trong bức tranh chung của nền giáo dục đại học châu Phi, bởi vì cơn khát giáo dục đại học vẫn tiếp tục tăng trong khu vực và trên toàn cầu. Lúc này chính là thời điểm thích hợp để thay đổi những tranh cãi về PHE và những thực tế đang diễn ra để khai thác tiềm năng của họ bằng những chính sách tiến bộ và thuận lợi. Chính sách tiến bộ của chính phủ sẽ đóng vai trò quan trọng thúc đẩy khu vực giáo dục đại học tư đóng góp hiệu quả vào phát triển kinh tế - xã hội quốc gia và khu vực.

Tất nhiên, chỉ khi những cam kết chính sách được chính phủ tôn trọng thì ý định mới có thể chuyển thành hiện thực – bởi vì tình trạng trì trệ vẫn là phổ biến ở các quốc gia châu Phi. Giáo dục đại học tư thực ở châu Phi khó đáp ứng những kỳ vọng lớn lao của xã hội nếu không có sự hỗ trợ đáng kể, dưới hình thức chính sách lẫn hành động thực sự. Cũng như thế, những chính sách cấp tiến nhằm thúc đẩy PHE phải được hiện thực hoá thật cụ thể, mà không làm cản trở tinh thần cạnh tranh luôn là động lực của các doanh nghiệp tư nhân.

## Giáo dục tư ở Mexico tăng trưởng mạnh và bền vững: vai trò của chính phủ

**Jorge Arenas and Daniel C. Levy**

*Jorge Gamaliel Arenas Basurto là Giáo sư Đại học Universidad de las Américas Puebla, Mexico. E-mail: jorge.arenas@udlap.mx. Daniel C. Levy là Giáo sư danh dự thuộc Bộ phận Phát triển Chính sách Giáo dục và Lãnh đạo, Đại học bang New York (SUNY), Albany, US. E-mail: dlevy@albany.edu.*

**T**hế kỷ mới đã chứng kiến sự gia tăng gần gấp đôi số lượng sinh viên đại học tư thực ở Mexico, hiện nay là khoảng một triệu sinh viên. Đây là sự gia tăng mạnh mẽ mặc dù sinh viên tư thực chỉ chiếm khoảng 30% tổng số sinh viên - một

con số khá khiêm tốn. Vì các lý do xã hội, kinh tế và chính trị cơ bản, nhu cầu đối với giáo dục đại học công lập vẫn không giảm và chính phủ tiếp tục hào phóng tài trợ cho khu vực này.

Như vậy, chính quyền liên bang có vai trò gì trong sự tăng trưởng của giáo dục đại học tư thực? Cảnh tả đổ lỗi cho chính phủ về tình trạng rối loạn khi cho phép mở rộng quá mức giáo dục đại học tư thực, còn các đảng cánh hữu (mặc dù thường xuyên phàn nàn về các quy định hạn chế) gần như bỏ qua vai trò của chính phủ, thay vào đó cho rằng sự tăng trưởng của Giáo dục Đại học Tư (PHE) đơn thuần là do quy luật cung - cầu trong một thị trường lành mạnh. Trên thực tế, sai lầm của phe tả là cho rằng chính phủ có một kế hoạch rõ ràng để phát triển PHE, còn sai lầm của phe hữu là không nhìn ra tác động thực tế của vai trò chính phủ. Dù hành động hay không, chính phủ đã thực sự tạo điều kiện cho PHE phát triển.

Điều đó diễn ra thế nào? Chúng tôi xác định được hai trạng thái cơ bản của chính phủ: 1. không-hành-động, cụ thể là không đưa ra các chính sách định hướng quy mô PHE, và 2. hành-động (đưa ra các chính sách), nhằm cải cách khu vực công. Trong trường hợp này, không-hành-động và hành-động đều không được thiết kế với mục đích tạo điều kiện cho PHE phát triển, nhưng thực tế lại trở thành tạo điều kiện. Trạng thái không-hành-động của chính phủ tạo ra không gian tự do cho giáo dục tư thực phát triển - các nhà đầu tư đã khai thác tối đa cơ hội này. Trong khi đó, các hành động của chính phủ, thật trớ trêu, lại khiến cho giáo dục công trở nên kém hấp dẫn.

### Chính-phủ-không-hành-động cho phép tư nhân phát triển

Tình trạng chính-phủ-không-hành-động không phải là mới. Vấn đề ở đây là nó tiếp tục tạo điều kiện dễ dàng, hay như cách nói của những ý kiến chỉ trích, “sự chấp nhận” khu vực tư nhân. Tình trạng này cho phép các tổ chức giáo dục tư thực được thành lập, được cấp phép hoạt động và hoạt động hợp pháp. Có rất ít các quy định hạn chế, nên thành lập một trường đại học tư thực dễ dàng như mở một cửa hàng bán bánh mì. Nhiều quy định mới từ giữa thập niên 1990 có thể gây đôi chút lo lắng cho các nhà đầu tư vào giáo dục tư thực, nhưng vẫn chưa đủ để tạo ra bước ngoặt quyết



định. Những trường tư chất lượng tốt dễ dàng đáp ứng quy định của chính phủ, số còn lại cũng tìm được cách lách qua các quy định.

Khai thác mạnh những điều kiện thuận lợi, khu vực giáo dục tư thực gần đây đã phát triển thêm các hình thức mới: mạng lưới đại học tư thực, chuỗi các trường tư thực và đào tạo trực tuyến. Đào tạo sau đại học trực tuyến đang phát triển nhanh chóng và 80% mức tăng trưởng của lĩnh vực này là nhờ tư thực, tuy nhiên phạm vi bài này chỉ đề cập đến các mạng lưới và chuỗi.

---

**Trạng thái không-hành-động của chính phủ tạo ra không gian tự do cho giáo dục tư thực phát triển - các nhà đầu tư đã khai thác tối đa cơ hội này.**

---

Mạng lưới đại học tư ở Mexico có nhiều hình thức. Khởi đầu với UTecmilenio vào năm 2002 do Tec de Monterrey danh tiếng sáng lập, hiện nay đã mở rộng thành 29 cơ sở ở 18 tiểu bang. Tiếp theo là các mạng lưới trường Công giáo phát triển từ những trường đại học Công giáo ưu tú ở thủ đô Mexico City. Trường đại học Iberoamericana nay là thành viên của mạng lưới bảy trường Dòng Tên. Mô hình tương tự đối với Universidad La Salle, Legionnaires of Christ và Opus Dei. Sự bùng phát các mạng lưới đại học tôn giáo đã không được nhắc đến trong các báo cáo PHE toàn cầu, và là bằng chứng ít nhất ở Mexico, phản bác lại lập luận cho rằng giáo dục đại học tôn giáo chỉ là tàn tích còn sót lại của quá khứ. Làn sóng thứ ba là mạng lưới các trường phi-tinh-hoa, trong đó có trường Đại học Insurgentes với số lượng tuyển sinh lớn; thuộc phân khúc trung bình, với định hướng nghề nghiệp mạnh mẽ, là UNITEC và Universidad del Valle. Sự phát triển mạnh mẽ của các mạng lưới đại học tư thực cho thấy, mặc dù chính phủ thiếu quy hoạch đối với PHE và thậm chí đối với giáo dục đại học nói chung, khu vực tư thực có kế hoạch riêng của họ và đã theo đuổi thành công.

UNITEC và Universidad del Valle còn là những ví dụ về một hình thức phát triển khác của giáo dục đại học tư: vì lợi nhuận và quốc tế. Do luật pháp Mexico còn mơ hồ về vấn đề giáo dục đại học vì lợi nhuận, các doanh nghiệp dù từ lâu đã sở hữu các trường đại học phi lợi nhuận, vẫn trả tiền thuê

đất và cơ sở vật chất, mua chương trình giảng dạy, v.v... Cái mới là khi thuộc quyền sở hữu của chuỗi quốc tế nước ngoài, những trường này tập trung vào giáo dục đại học. Chuỗi Laureate Education (sở hữu cả UNITEC và Universidad Val Valle) dễ dàng trở thành lớn nhất ở Mexico, cũng như ở Mỹ Latinh và trên toàn thế giới.

### Cải cách khu vực công

Những mô hình PHE mới trên đây phản ánh các sáng kiến táo bạo của khu vực tư thực. Trong phần này chúng ta sẽ xem xét các sáng kiến cải cách của chính phủ trong ba lĩnh vực chính của giáo dục công lập: đánh giá hoạt động, phân bổ hạn ngạch các ngành học, và đa dạng hoá thể chế. Trong từng lĩnh vực, mục tiêu của chính phủ là làm cho giáo dục đại học công trở thành hợp lý hơn về kinh tế. Nhưng các sáng kiến lại có những tác động ngoài ý muốn, và gây trở ngại cho việc phát triển khu vực công lập, thậm chí những cải cách trong hai lĩnh vực sau (phân bổ ngành học, và đa dạng hoá thể chế) đã đẩy sinh viên từ công lập sang tư thực.

Đánh giá hoạt động: Trong những năm 1990 đến đầu thế kỷ này, chính phủ đã quay lưng lại với cách thức phân bổ ngân sách cho giáo dục đại học công lập vẫn được áp dụng trước đây - dựa vào số lượng sinh viên hoặc theo tiền lệ, mà không dựa vào hiệu quả hoạt động. Đây là một đòn chí mạng đánh vào nền tảng hoạt động của khu vực công lập, giờ đây họ phải phụ thuộc phần nào vào kết quả đánh giá hiệu quả hoạt động.

Phân bổ chỉ tiêu đào tạo: Tương tự, chính phủ Mexico quyết định ngừng cấp ngân sách đào tạo những ngành truyền thống phổ biến đã bão hòa sinh viên và vì vậy làm suy yếu lợi ích công. Chính phủ ban hành chỉ tiêu tuyển sinh các ngành y học, kỹ thuật dân dụng, luật pháp, kinh doanh và quản lý. Tuy nhiên, kết quả lại không như ý muốn: với sự hỗ trợ tài chính của gia đình, sinh viên vẫn đăng ký vào học những lĩnh vực họ ưa thích - chủ yếu là vì các ngành này đem lại thu nhập cao hơn. Nhiều thí sinh không vào được trường công do hạn chế chỉ tiêu tuyển sinh vẫn theo đuổi nguyện vọng của họ ở các đại học tư thực.

Đa dạng về thể chế: Tương tự như vậy, chính phủ quyết định không tiếp tục tài trợ cho những ngành học đại trà. Những ngành đào tạo có số người theo học "vượt quá nhu cầu" như vậy được gọi là theo

truyền thống xã hội, góp phần làm thị trường lao động bão hòa một cách bất hợp lý. Các trường đại học công lập danh tiếng, vốn vẫn tuyển sinh hạn chế, từ chối tới 90% số người nộp đơn. Ngoài ra, chính phủ cũng ngừng việc thành lập các trường đại học công, bù lại, từ năm 1990 đến năm 2009 đã có 343 trường giáo dục kỹ thuật nghề nghiệp được thành lập, bao gồm các trường đào tạo chương trình hai năm. Nhưng do thị trường lao động vẫn tiếp tục trả lương cho sinh viên tốt nghiệp đại học cao hơn so với sinh viên tốt nghiệp các trường kỹ thuật 2 năm, những sinh viên không được nhận vào đại học công đã hình thành một dòng chảy nhập học vào các trường đại học tư. Năm 2017, chính phủ cố gắng bù đắp phần nào dòng chảy từ các trường đại học công sang các trường đại học tư bằng chương trình "Một nơi cho bạn" nhằm đảm bảo "cơ hội thứ hai" để vào đại học (công hoặc tư) cho những thí sinh không trúng tuyển kỳ thi vào các trường công lập.

Tóm lại, không cần hoạch định hay đặt mục tiêu lớn, chính phủ Mexico vẫn giúp khu vực đại học tư thực tăng trưởng. Việc này được hiện thực nhờ những chính sách thuận lợi cho khu vực tư thực và những cải cách trong khu vực công lập –nhưng đôi khi lại dẫn đến kết quả là thúc đẩy khu vực tư thực tăng trưởng – thêm vào đó, khu vực tư thực luôn chủ động nắm bắt cơ hội để phát triển.

## Phân tích đối thủ cạnh tranh trong giáo dục đại học ở Ai Cập

**Rami M. Ayoubi và Mohamed Loutfi**

*Rami M. Ayoubi là Chuyên gia Tư vấn dự án, Mohamed Loutfi là Giáo sư và Phó Hiệu trưởng (quốc tế) tại Đại học Cardiff Metropolitan, Vương quốc Anh. E-mail: rayoubi@cardiffmet.ac.uk và mloutfi@cardiffmet.ac.uk.*

Cạnh tranh trong thị trường giáo dục đại học ngày càng khiến các trường đại học phải thay đổi thái độ. Ở Ai Cập, nhu cầu về giáo dục đại học tăng lên và những thay đổi đáng kể đang diễn ra, với hàng loạt các nhà cung cấp tư nhân tham gia

vào các trường đại học công. Ngành giáo dục đại học ở Ai Cập đã chứng kiến những thay đổi đáng kể từ khi ra đời Luật N101 năm 1992 quy định về các trường đại học tư thực và Luật N12 năm 2009 về sửa đổi quy định quản lý các trường đại học tư nhân và quốc gia (phi lợi nhuận). Cả hai luật này đều góp phần đưa khái niệm "cạnh tranh vì khách hàng" vào lĩnh vực giáo dục đại học Ai Cập.

Các trường đại học tư nhân định hướng lợi nhuận ở Ai Cập được thành lập và hoạt động theo điều lệ của Hội đồng tối cao các Trường Tư thực, một cơ quan quản lý thuộc Bộ Giáo dục đại học, với thành viên là chủ tịch các trường đại học tư thực. Trong giai đoạn 2014-2015, có 2.624.705 sinh viên ghi danh vào đại học, trong đó 110.852 sinh viên, tương đương 4,2%, vào các trường tư thực, chỉ chiếm một phần nhỏ trong tổng số. Năm 2016, ở Ai Cập có 24 trường đại học tư thực định hướng lợi nhuận đang hoạt động; nguồn thu nhập chính của họ là học phí. Các trường đại học này không nhận được bất kỳ khoản tài trợ nào từ chính phủ. Độc lập về mặt tài chính, các trường đại học tư thực này có toàn quyền tự chủ tài chính. Học phí ở các cơ sở giáo dục đại học tư thực nói chung cao hơn nhiều so với các trường công lập và do hội đồng của trường ấn định. Lý do chính để sinh viên chọn vào học các trường tư thực là thành tích học tập ở trường trung học của họ thấp hơn so với sinh viên các trường đại học công lập.

### Bốn loại đối thủ cạnh tranh

Dựa trên hai tiêu chuẩn, giá cả (học phí hàng năm của mỗi sinh viên đại học) và chất lượng (danh tiếng của đội ngũ giảng viên đại học đo bằng các ấn bản khoa học quốc tế có chất lượng được lập chỉ mục trong Scopus) và dựa trên tìm kiếm google về các trường đại học tư ở Ai Cập (theo các tiêu chí sau : 1.Giảng dạy toàn bộ/một phần các khóa học bằng tiếng Anh, 2.Kiểm định tổng thể/một phần bởi các trường đại học quốc tế bên ngoài Ai Cập, 3.Sản phẩm nghiên cứu quốc tế bằng tiếng Anh), chúng tôi tiến hành phân tích các trường đại học tư thực vì lợi nhuận ở Ai Cập và xác định bốn phân khúc các trường đại học, như sau:

- Phân khúc 1: các trường đại học "chất lượng cao - giá cao" với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu và cơ sở vật chất có chất lượng cao. Học

phí trung bình hàng năm tại các trường đại học loại này trên 7000 USD. Có ba trường đại học trong phân khúc này: Đại học Mỹ ở Cairo, Học viện Ả Rập về Khoa học, Công nghệ và Vận tải biển, và Đại học Đức ở Cairo.

- Phân khúc 2: Các trường đại học "chất lượng cao - giá rẻ hơn" với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu và cơ sở vật chất có chất lượng cao, và học phí thấp hơn so với phân khúc 1. Hai ví dụ điển hình của các trường đại học trong phân khúc này là Đại học Anh ở Ai Cập và Đại học Nile.
- Phân khúc 3: Các trường đại học "chất lượng thấp - giá rẻ", với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu và cơ sở giáo dục chất lượng kém hơn, và mức học phí thấp hơn so với phân khúc 1. Học phí trung bình hàng năm trong các trường đại học loại này dưới 4000 USD. Chúng tôi thấy rằng đối tượng sinh viên đăng ký vào các trường đại học thuộc phân khúc này khác với sinh viên các trường thuộc phân khúc 1 và 2: điểm số trong trường trung học của họ thấp hơn và họ thuộc các tầng lớp xã hội thấp hơn. Phân khúc này có 19 trường đại học, trong đó có Đại học Khoa học và Công nghệ Misr; Đại học Quốc tế Misr; Đại học Tương lai; Đại học 6 tháng 10; Đại học Sinai; Học viện El Shorouk; Đại học Pharos ở Alexandria; Đại học Pháp ở Ai Cập; Học viện Hiện đại ở Maadi; Institut Français d'Archéologie Orientale; Trường cao đẳng quốc tế Canada và Đại học Canada Al-Ahram.
- Phân khúc 4: Các trường đại học "chất lượng thấp - giá cao", với đội ngũ giảng viên, nghiên cứu và cơ sở giáo dục chất lượng thấp hơn, nhưng mức học phí tương tự với phân khúc 1. Phân tích của chúng tôi cho thấy, hiện tại không có trường đại học tư nhân nào ở Ai Cập nằm trong phân khúc này. Tuy nhiên, về mặt lý thuyết, trong tương lai, sẽ có một số trường đại học được xếp vào loại đó khi ngành này đạt đến độ trưởng thành và nếu Cơ quan đảm bảo chất lượng và Chứng nhận Giáo dục Quốc gia (NAQAAE) cho ra mắt bảng xếp hạng các trường đại học quốc gia.

### Kết luận và khả năng phát triển trong tương lai

Các cơ quan chức năng ở Ai Cập thừa nhận rằng trong tương lai, ngành giáo dục đại học cần có vai trò then chốt trong sự phát triển của đất nước. Hai mục tiêu chính là đào tạo được đủ số lượng sinh viên tốt nghiệp (nghĩa là tăng nhu cầu, dẫn đến tăng phí) và nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển của các trường đại học tư nhân (tức là nâng cao chất lượng tổng thể). Hai mục tiêu này được tuyên bố trong tầm nhìn 10 năm của chính phủ nhằm biến đổi các trường đại học của Ai Cập thành các tổ chức hiện đại, tự chủ, tăng cường nghiên cứu, định hướng thị trường và lấy sinh viên làm trung tâm.

---

#### **Độc lập về mặt tài chính, các trường đại học tư thực này có toàn quyền tự chủ tài chính.**

---

Rõ ràng, chính phủ Ai Cập đang phấn đấu để thành lập nhiều trường đại học tư thực hơn trong phân khúc 1 và 2 thông qua hợp tác với các nhà cung cấp quốc tế, chủ yếu là các trường đại học của Anh. Tương lai có thể mang lại một số thay đổi đáng kể cho ngành. Một số nhà cung cấp dịch vụ hiện tại có thể sẽ biến mất khỏi thị trường, đặc biệt trong phân khúc 3. Dự đoán rằng, sự gia tăng các nhà cung cấp trong các phân khúc 1 và 2 của thị trường giáo dục đại học với sự hỗ trợ của chính phủ Ai Cập có thể hạ thấp vai trò của các trường đại học trong phân khúc 3 (bao gồm hầu hết các trường đại học tư nhân ở Ai Cập). Chúng tôi không cho rằng các trường đại học trong phân khúc 3 có tiềm năng chuyển sang phân khúc 1 hoặc 2, bởi vì họ có loại khách hàng riêng. Tuy nhiên, khả năng các trường đại học trong phân khúc 1 và 2 mua lại các trường đại học trong phân khúc 3 là một kịch bản tiềm năng trong 10 năm tới. Kịch bản này đòi hỏi chính phủ cần nhắc thông qua các giải pháp thay thế để đáp ứng các nhu cầu chưa được dự đoán trước của khách hàng trong phân khúc 3.

---



## Trung Quốc đóng cửa? Những ảnh hưởng đến các trường đại học trên thế giới

Philip G. Altbach và Hans de Wit

*Philip G. Altbach là Giáo sư Nghiên cứu và là Giám đốc sáng lập, và Hans de Wit là Giáo sư và là Giám đốc tại Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế, Boston College, Hòa Kỳ. E-mail: altbach@bc.edu và dewitj@bc.edu.*

Tin tức về việc hiến pháp Trung Quốc được sửa đổi để cho phép ông Tập Cận Bình giữ chức chủ tịch nước nhiều hơn hai nhiệm kỳ chỉ là dấu hiệu mới nhất về những hay đổi chính trị cơ bản đang diễn ra. Các chuyên gia lưu ý rằng Chủ tịch Tập Cận Bình thu tóm được nhiều quyền lực nhất sau thời Mao Trạch Đông và tìm cách duy trì quyền hạn lâu dài để thực hiện các chính sách của mình. Mặc dù giáo dục đại học, nghiên cứu và quốc tế hóa không phải là các vấn đề trung tâm trong phát triển chính trị đương đại, nhưng chắc chắn sẽ bị ảnh hưởng và có thể bị "thiệt hại nghiêm trọng".

Trong vài thập kỷ qua, chúng ta đã chứng kiến sự tăng trưởng mạnh mẽ trong quốc tế hóa giáo dục đại học, trong dịch chuyển của sinh viên trong và ngoài Trung Quốc, và sự hiện diện xuyên biên giới của các trường đại học nước ngoài ở Trung Quốc, tất cả đều góp phần hình thành các trường đại học tầm cỡ thế giới và nâng hạng các trường đại học Trung Quốc trong các bảng xếp hạng. Những thay đổi hiện nay ở cấp cao nhất sẽ có ý nghĩa lâu dài đối với giáo dục đại học Trung Quốc cũng như mối quan hệ học thuật của Trung Quốc với phần còn lại của thế giới và có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến những gì đã đạt được cho đến nay. Điều quan trọng là cộng đồng giáo dục đại học, bên trong Trung Quốc cũng như trên toàn cầu, cần chú ý đến những triển vọng trong tương lai.

### Tình hình nội bộ

Khi được xem xét cùng nhau, các diễn biến gần đây cho thấy sự thay đổi đáng kể trong toàn cảnh học thuật Trung Quốc trong nửa thế kỷ vừa qua. Internet bị thắt chặt, khiến cho việc tiếp cận thông tin trở nên khó khăn hơn. Mạng riêng ảo (VPN) từng được những người thành thạo hệ thống sử dụng để dễ dàng truy cập vào Internet toàn cầu -

giờ đây cũng không được phép. Ngoài ra, nhiều người nhận thấy có nhiều hơn nữa những tài liệu được coi là "nhạy cảm" bị loại bỏ khỏi web ở Trung Quốc. Trong khi các hạn chế đó chỉ ảnh hưởng trực tiếp đến khoa học xã hội, thì việc thiếu tiếp cận với kiến thức thế giới tác động đến toàn bộ cộng đồng học giả trong cả khía cạnh nhận thức lẫn thực tế.

Theo truyền thống, Đảng Cộng sản vẫn nắm quyền kiểm soát các trường đại học về mặt học thuật, gần đây mức độ kiểm soát còn tăng lên. Giáo dục ý thức hệ như một phần của chương trình giảng dạy đại học chiếm giữ vai trò quan trọng hơn nữa, bao gồm cả "tư tưởng Tập Cận Bình". Các chương trình giáo dục khai phóng kiểu Mỹ mới nổi ở một số trường đại học ưu tú của Trung Quốc bị chỉ trích, và một vài trường đang cố gắng tìm một tên gọi "ít khiêu khích" hơn hoặc thay đổi một số nội dung trong chương trình giảng dạy liên quan.

### Phản ứng từ bên ngoài

Cũng có một số phản ứng chống lại các sáng kiến quốc tế hóa trong giáo dục đại học Trung Quốc. Trong hơn 480 Viện Khổng Tử trên toàn thế giới do chính phủ Trung Quốc thành lập và chủ yếu nằm trong các trường đại học, một số đang bị chỉ trích ngày càng nhiều hơn, và một số khác đã bị các tổ chức chủ nhà đóng cửa. Cũng có những ý kiến chỉ trích sự tham gia của Trung Quốc vào châu Phi, kể cả trong giáo dục đại học, mà một số người coi là quá sâu. Một cuộc bút chiến lớn đang diễn ra tại Úc, trong đó các cơ quan Trung Quốc bị buộc tội cố gắng gây ảnh hưởng đến các nhà nghiên cứu người Úc đang làm việc cho Trung Quốc và những hành động can thiệp khác, cũng như tạo sức ép đối với sinh viên Trung Quốc tại Úc, và những nơi khác, buộc tội họ do thám các sinh viên khác và các học giả. Một trường đại học Hà Lan đã hủy bỏ kế hoạch thành lập phân hiệu tại Trung Quốc sau khi những lo ngại về tự do học thuật được nêu ra. Và một cơn bão phản đối đã nổ ra khi một nhà xuất bản nổi tiếng của Anh loại bỏ một số nội dung khỏi tạp chí của mình vì bị nhà chức trách Trung Quốc phản đối. Những nội dung này được khôi phục sau khi các nhà khoa học phương Tây than phiền. Điều quan trọng ở đây là các nhà chức trách Trung Quốc đang ngày càng cố can thiệp nhiều hơn vào các nước khác, còn các trường đại học và các nhà khoa học phương Tây đang phản ứng mạnh hơn.

**Theo truyền thống, Đảng Cộng sản vẫn nắm quyền kiểm soát các trường đại học về mặt học thuật, gần đây mức độ kiểm soát còn được củng cố mạnh hơn.**

### Tác động

Tất nhiên, việc "đóng cửa" giáo dục đại học Trung Quốc sẽ tác động mạnh nhất đến các trường đại học. Các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc sẽ khó đạt được "đẳng cấp thế giới" khi văn hoá học thuật của họ bị hạn chế, tiếp cận với kiến thức khó khăn, và văn hoá học thuật thật sự tự do và sáng tạo bị ngăn cản. Môi trường học tập hạn chế sẽ khiến Trung Quốc khó thu hút được lực lượng giảng viên nước ngoài tài năng đến làm việc, và sinh viên quốc tế, đặc biệt là ở trình độ đại học, cũng không muốn học ở đây.

Theo thống kê của Tổ chức Khoa học Tự nhiên Quốc gia Trung Quốc, tỷ lệ về nước của sinh viên và học giả Trung Quốc theo học ở nước ngoài đã tăng lên. "Chỉ 10 năm trước, trong khoảng bảy sinh viên Trung Quốc đi du học chỉ một người trở về. Hiện nay, cứ bảy người đi du học thì có sáu người trở về", ông chủ tịch của tổ chức này cho biết, và nói thêm: "Gần như không còn hiện tượng chảy máu chất xám" (Times Higher Education, 1 tháng 3 năm 2018). Xu hướng này có thể sẽ không như vậy nữa khi hoàn cảnh thay đổi. Hơn nữa, bình luận đó chỉ giới hạn trong các lĩnh vực STEM và chủ yếu liên quan đến sinh viên đại học. Hầu hết các số liệu thống kê cho thấy, 70 đến hơn 80% người Trung Quốc có bằng tiến sĩ không về nước – cho đến nay tỷ lệ này vẫn không thay đổi.

### Kết luận

Sau nhiều thập kỷ cố gắng tạo ra một môi trường học tập cởi mở hơn, rõ ràng là Trung Quốc đang nhanh chóng thay đổi hướng đi. Trong hoàn cảnh chính trị mới đây, đó là điều không tránh khỏi. Trung Quốc đang đứng trước nguy cơ bị thiệt hại hàng tỷ đô la, hoặc ít nhất một phần con số đó, đã đầu tư vào việc nâng cấp các trường đại học hàng đầu để tạo ra các tổ chức "đẳng cấp thế giới". Nỗ lực quốc tế hóa của Trung Quốc trong những năm gần đây sẽ bị phá hủy đáng kể. Sự đầu tư của các trường đại học phương Tây vào việc phát triển các phân hiệu và các mối quan hệ học thuật khác ở

Trung Quốc có thể bị đe dọa - và rất có thể sẽ chậm lại. Những nỗ lực của Trung Quốc để thuyết phục sinh viên Trung Quốc học tập ở nước ngoài, đặc biệt là những người ở trình độ thạc sĩ và tiến sĩ về nước làm việc sẽ ít thành công hơn, vì nhiều người sẽ đặt câu hỏi điều gì đang xảy ra với đời sống học thuật ở Trung Quốc.

Sau Brexit, sau cuộc bầu cử Donald Trump ở Hoa Kỳ, và những thách thức chung của chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa dân túy toàn cầu, chúng ta đang bước vào lĩnh vực học thuật chưa được biết đến. Tuy nhiên, Trung Quốc thì khác. Ở đây có rất ít tiếng nói bất đồng chính kiến và không có thách thức đối với chính quyền trung ương. Cuối cùng thì, có thể cả hai phía đều bị thiệt hại. Các trường đại học Trung Quốc bị cản trở trong cố gắng đạt đến các tiêu chuẩn thế giới, tự do học thuật vẫn xa vời, và hợp tác với các trường đại học phương Tây trở nên khó khăn hơn. Các nhà chức trách Trung Quốc dường như không lo lắng nhiều về những rủi ro này. Họ hướng đến nền giáo dục đại học ở những nước mới nổi lên và đang phát triển là khu vực có lẽ phụ thuộc rất nhiều vào quan hệ hợp tác với Trung Quốc. Cuối cùng, phạm vi của giáo dục đại học Trung Quốc có thể trở thành rất rộng lớn.

## Các trường đại học Trung Quốc đã chạm ngưỡng?

Alex Usher

*Alex Usher là Chủ tịch Hiệp hội Chiến lược Giáo dục Đại học, Toronto, Ontario, Canada. E-mail: ausher@higheredstrategy.com*

Những khoản đầu tư khổng lồ vào giáo dục đại học của Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa đã trở nên nổi tiếng. Từ khi Đặng Tiểu Bình lên nắm quyền vào năm 1978, quốc gia này bắt đầu quan tâm mạnh đến việc phát triển năng lực khoa học và công nghệ, và đặt trọng tâm nỗ lực vào các trường đại học. Trong gần 20 năm, dự án "985" cung cấp hàng tỷ nhân dân tệ (RMB) cho các trường đại học hàng đầu để biến chúng thành "đẳng cấp thế giới". Chỉ trong hai giai đoạn đầu tiên - nghĩa là từ năm 1998 đến năm 2007 - chi tiêu cho 39 trường đại học ước tính khoảng 33 tỷ RMB, hay khoảng 13 tỷ USD hiện nay tính theo sức mua tương đương

(PPP). Tuy nhiên, việc đo lường mức độ đầu tư này gặp nhiều khó khăn, vì Trung Quốc không cung cấp cho UNESCO các báo cáo chi tiêu cho giáo dục đại học, và bản thân các trường đại học cũng không có số liệu tài chính rõ ràng. Vì vậy, trong năm 2012, chính phủ Trung Quốc đã công bố "chỉ thị minh bạch" cho ngành giáo dục đại học, trong đó bao gồm yêu cầu các trường công khai một số loại báo cáo tài chính hàng năm. Không phải 100% các trường đại học tuân thủ chỉ thị này, và dữ liệu cũng không có mức độ chi tiết cao; tuy nhiên, từ hầu hết các trường lớn, chúng tôi có đầy đủ các thông tin của 5 năm (2012-2016). Những dữ liệu mới này tiết lộ ba câu chuyện khá quan trọng.

### **Các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc rất giàu**

Câu chuyện thứ nhất là các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc - nghĩa là những trường lớn nhất trong số các trường đại học C9 đôi khi được mô tả là "Ivy League của Trung Quốc" - thực sự khá giàu có, với cơ chế tài chính tương đương một số trường hàng đầu của Mỹ. Trường lớn nhất, Đại học Thanh Hoa, chi 13,7 tỷ RMB vào năm 2016, tương đương với 3,57 tỷ USD, nhiều hơn MIT (3,34 tỷ USD năm 2014) và Đại học Yale (3,36 tỷ đô la Mỹ). Trường lớn thứ hai, Đại học Bắc Kinh, chi khoảng 2,45 tỷ USD vào năm 2016, cùng mức với Caltech và Đại học Washington St. Louis. Đại học Chiết Giang và Đại học Giao thông Thượng Hải, là hai trường tiếp theo, có mức chi 2,3 tỷ USD và 2,1 tỷ USD. Đại học Fudan đứng ở vị trí thứ 5 có mức chi 1,5 tỷ USD, tương đương với trường đại học Princeton.

Nếu xem xét trên cơ sở chi phí theo đầu sinh viên, con số tuy vẫn là lớn đối với các trường đại học Trung Quốc nhưng có lẽ chưa ấn tượng lắm, từ 78.000 USD cho mỗi sinh viên tại Đại học Thanh Hoa, đến 49.000 USD tại Đại học Chiết Giang. Vẫn còn một khoảng cách khá xa so với các trường đại học công lập lớn ở Hoa Kỳ, chẳng hạn như Đại học Bắc Carolina (161.000 USD) hoặc Đại học Virginia (131.000 USD), thậm chí so với các trường đại học lớn của Nhật Bản như Đại học Tokyo và Đại học Kyoto (trên 100.000 USD). Tuy nhiên, mức chi phí này ngang bằng với Đại học California tại Berkeley (73.000 USD), Viện Karolinska của Thụy Điển (75.000 USD), hoặc ETH Zurich (63.000 USD). Và

chi phí tính theo đầu sinh viên của các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc cao hơn hẳn so với các trường giàu nhất ở các quốc gia như Canada (Đại học British Columbia, 53.000 USD), Đức (Đại học Bonn, 43.000 USD, hoặc Úc (Đại học Quốc gia Úc, 39.000 USD).

---

**Câu chuyện thứ hai mà dữ liệu tiết lộ là về nguồn thu nhập của họ, các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc trông giống như các trường Bắc Mỹ hơn các trường châu Âu.**

---

### **Nguồn thu nhập của các trường đại học hàng đầu Trung Quốc**

Câu chuyện thứ hai mà dữ liệu tiết lộ là về nguồn thu nhập của họ, các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc trông giống các trường Bắc Mỹ hơn các trường châu Âu. Tại bốn trong số các trường hàng đầu - Đại học Giao thông Thượng Hải, Đại học Giao thông Tây An, Đại học Thanh Hoa và Đại học Chiết Giang, nguồn thu từ ngân sách nhà nước chiếm ít hơn 40% tổng thu. Một phần nhỏ còn lại là từ học phí, nhưng phần chính là thu nhập từ bên ngoài, bao gồm những lợi ích kinh doanh như Tập đoàn Đại học của Đại học Thanh Hoa. Không giống như các trường đại học Mỹ thường có nguồn thu nhập chính từ bệnh viện, bất động sản, v.v..., các trường đại học khác của Trung Quốc có mức thu từ ngân sách nhà nước cao hơn, nhưng không có trường đại học "C9" lớn nào nhận được hơn 60% kinh phí của họ từ ngân sách.

### **Các trường đại học hàng đầu đang chậm lại**

Câu chuyện thứ ba là, từ năm 2012, các trường đại học Trung Quốc có rất ít cải thiện về tài chính. Ví dụ, chi tiêu cho mỗi sinh viên của Đại học Thanh Hoa giảm 3% trong giai đoạn 2012-2016, trong khi Đại học Chiết Giang giảm 5%. Mặt khác, tổng chi tiêu của Đại học Giao thông Thượng Hải tăng 7%. Chi phí chung không giảm; trong khi đó, lạm phát và số lượng sinh viên tăng nhanh hơn.

Thực tế là các trường hàng đầu ở Trung Quốc hiện nay lớn đến mức thậm chí nguồn tài trợ từ ngân sách, dù nhiều hơn nữa, cũng khó tạo được sự khác biệt đối với nguồn thu tổng thể của trường. Ví dụ, báo cáo gần đây trong Caixin Global (một



trang web tiếng Anh trực tuyến do tập đoàn truyền thông chính cùng tên của Bắc Kinh quản lý) cho thấy Đại học Sun Yat-Sen sẽ nhận được 480 triệu RMB (tương đương 140 triệu USD) theo mức tài trợ mới, như là một phần của sáng kiến "Double World-Class" vừa được Trung Quốc công bố gần đây. Tuy nhiên, vì doanh thu của trường đại học hiện nay là 6 tỷ RMB (1,76 tỷ USD), con số này không lớn hơn 8%. Với lạm phát và số lượng sinh viên tăng, số tiền này không nhiều hơn một hoặc hai năm tài trợ.

### Có phải tiền nào của nấy?

Một câu hỏi cuối cùng đặt ra là có phải mức chi tiêu cao ở các trường đại học hàng đầu Trung Quốc đang minh họa cho thành ngữ "tiền nào của nấy". Ít nhất về nghiên cứu khoa học, câu trả lời ở đây dường như là "đúng thế". Giữa những giai đoạn bốn năm 2006-2009 và 2012-2015, số lượng các tạp chí được lập chỉ mục Clarivate đã tăng gấp đôi trong tất cả các trường đại học hàng đầu Trung Quốc. Các tổ chức như Đại học Thanh Hoa và Đại học Giao thông Thượng Hải đang vượt qua Đại học Oxford và Đại học Cambridge về tổng công trình nghiên cứu. Thực tế, tác động của các bài báo này - được đo bằng các trích dẫn chuẩn - thấp hơn một chút so với hầu hết các trường đại học nghiên cứu ở châu Âu và Bắc Mỹ. Tuy nhiên, tỷ lệ trích dẫn ở các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc đã tăng đáng kể trong thập kỷ qua, và hiện nay cao hơn đáng kể so với các trường đại học hàng đầu của Nhật Bản, nếu không nói là ở cùng mức với trường đại học hàng đầu châu Á là Đại học Quốc gia Singapore.

### Kết luận

Nói tóm lại, mặc dù trong hai thập kỷ qua đầu tư vào các trường đại học hàng đầu của Trung Quốc đã đạt đến mức độ cạnh tranh trên bình diện quốc tế, nhưng rất khó để tin rằng họ sẽ tiếp tục phát triển với tốc độ nhanh như vậy. Từ những số liệu sẵn có, có vẻ như tốc độ tăng trưởng đang cao hơn mức điển hình của các trường đại học Úc, Canada và châu Âu, nhưng vẫn thấp hơn mức của các trường đại học công của Hoa Kỳ - chưa kể đến các trường đại học tư thục. Mặc dù tổng sản lượng khoa học cao nhưng chất lượng và tác động của nghiên cứu vẫn cần được cải thiện.

## Cơ hội của Trung Quốc: khuyến nghị về đổi mới các môn học khai phóng

Kara A. Godwin và Noah Pickus

*Kara A. Godwin là Nghiên cứu viên của CIHE, là Nhà tư vấn về giáo dục đại học và là Giám đốc sáng lập của Tổ chức Hợp tác Giáo dục Tự do toàn cầu. E-mail: kara.godwin@gmail.com. Noah Pickus là Đồng Hiệu trưởng và là Cố vấn cao cấp của Hiệu trưởng Đại học Duke, Durham, Bắc Carolina, Hoa Kỳ, đồng thời là Trưởng ban Phát triển chương trình và giáo khoa tại Đại học Duke Kunshan, Jiangsu, Trung Quốc. E-mail: pickus@duke.edu.*

*Bài báo này dựa trên bài viết trong Triễn vọng CIHE số 8: "Đổi mới các môn học Khai phóng và Khoa học ở Trung Quốc: Sáu kiến nghị để định hình tương lai", bằng tiếng Anh và tiếng Trung.*

Giáo dục các môn khai phóng và khoa học ở Trung Quốc đang trong một thời điểm quan trọng. Trong thập niên vừa qua, Trung Hoa Đại lục và Hồng Kông đã chứng kiến sự tăng trưởng đáng kể trong các chương trình đại học nhấn mạnh đến giáo dục khai phóng, đến triết học giáo dục toàn diện nhằm chuẩn bị cho người học những kiến thức tổng hợp và ý thức trách nhiệm xã hội. Sự tăng trưởng đó diễn ra trong giáo dục đại học Trung Quốc và là một phần của các liên doanh mới giữa các trường đại học Trung Quốc và phương Tây. Đó là sự tương phản rõ rệt với các chương trình học truyền thống, thực dụng của Trung Quốc vốn tập trung nhiều hơn vào việc đào tạo sinh viên cho một nghề đơn lẻ.

Không chỉ Trung Quốc và Hồng Kông quan tâm đến việc thúc đẩy giáo dục các môn khai phóng và khoa học (Liberal Arts and Sciences - LAS) để thúc đẩy lực lượng lao động và nền kinh tế thế kỷ 21. Hơn 200 chương trình, phần lớn được hình thành trong hai mươi năm qua, hiện đang tồn tại bên ngoài Hoa Kỳ. Mặc dù đã được giảng dạy lâu dài trong các trường cao đẳng khai phóng và các trường đại học công lập Hoa Kỳ, LAS đang phải đối mặt với sự giám sát chặt chẽ vì các nhà phê bình đặt câu hỏi về giá trị của nó và cho rằng cần có một cách tiếp cận thực tế hơn.

Tại chính thời điểm này, đối với Trung Quốc cải cách LAS vừa là một thách thức nghiêm trọng vừa là một cơ hội lớn. Vào tháng 6 năm 2017, 25 nhà lãnh đạo và học giả của các trường đại học Canada, Hồng Kông, Trung Hoa Đại lục, Singapore và Hoa

Kỳ đã gặp mặt tại Đại học Duke Kunshan (DKU) ở tỉnh Giang Tô để xem xét những trở ngại và cơ hội cho LAS. Ngoài các khuyến nghị dưới đây, họ cũng kết luận rằng nếu Trung Quốc có thể mở rộng các chương trình LAS theo những cách thức sáng tạo và phù hợp văn hoá, điều này sẽ có ảnh hưởng đến giáo dục LAS bên ngoài biên giới Trung quốc.

### Mục tiêu và trở ngại

Truyền thống văn hóa đặc sắc là động lực để Trung Quốc phát triển giáo dục LAS. Nền tảng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc kích thích một nền kinh tế đổi mới và nuôi dưỡng ý thức nghề nghiệp và mục đích cộng đồng trong sinh viên tốt nghiệp. Nhiều đặc điểm của giáo dục LAS không phải là ý tưởng mới đối với Trung quốc. Là nền văn minh lâu đời nhất trên thế giới, Trung Quốc có những truyền thống triết học sâu sắc, tập trung vào việc phát triển nhân cách và làm chủ tri thức, vào thực hành gắn liền với các mục tiêu toàn diện của giáo dục LAS.

Tuy nhiên, Trung Quốc phải đối mặt với những trở ngại đáng kể trong cải cách. Những trở ngại này bao gồm việc hiểu sai ý nghĩa của LAS; sự hoài nghi đối với giá trị và tính phù hợp; chất lượng thấp và sự hạn chế của các dịch vụ hiện có; thiếu giảng viên có trình độ; các quy định và các biện pháp hành chính gây cản trở đổi mới giáo dục; sự cần thiết phải giảng dạy về truyền thống vượt ra ngoài hệ tư tưởng Trung Quốc; và thực tế là các trường đại học ở Trung Hoa Đại lục đang bị kiểm soát bởi các lực lượng chính trị quan trọng có cách nhìn mâu thuẫn về giá trị của giáo dục LAS. Điều lo ngại hiện nay là trong năm qua, chính phủ Trung Quốc đã đặt ra thêm các hạn chế đối với đối tượng học lẫn nội dung khóa học đồng thời tăng cường giám sát và kiểm duyệt các trường đại học, những hành động có thể cản trở tiến bộ của LAS một cách đáng kể.

### Cơ hội và khuyến nghị

Chúng tôi không có khả năng gợi ý những thay đổi về chính trị hay hệ tư tưởng của các cơ cấu đang chi phối các trường đại học Trung Quốc, điều nhiều nhất chúng tôi làm được là đưa ra sáu đề xuất chính về những gì Trung quốc cần làm để vượt qua những trở ngại và nhận ra tiềm năng của LAS.

- **Đề cao vai trò của giáo dục đại cương:** Trong những năm gần đây, các trường đại học Trung Quốc đã cải cách và mở rộng các dịch vụ giáo dục đại cương, cho phép sinh viên học các môn ngoài chuyên ngành của họ. Mặc dù đây là một bước tiến quan trọng, nhiều khoá học đại cương lại có chất lượng thấp. Sinh viên coi các khóa học này là không cần thiết và giảng viên cũng xem thường. Để tạo ra những người có kiến thức rộng, có đầu óc sáng tạo cho một nền kinh tế đổi mới, cần tập trung không ngừng vào việc nâng cao chất lượng của các khóa học này.
- **Đầu tư vào hội nhập liên ngành:** Ngoài giáo dục đại cương, tương lai đòi hỏi cách giải quyết vấn đề mà chỉ có thể đạt được thông qua các giải pháp tích hợp, liên ngành. Mặc dù giáo dục đại cương cung cấp một chương trình giảng dạy đa ngành, nhưng nó thường thiếu sự kết hợp của giáo dục LAS liên ngành. Một số chương trình thực nghiệm như Chương trình Nâng cao Đại học Fudan năm 2020, Trường Cao đẳng Yuanpei của trường Đại học Bắc Kinh, Trường Xinya của Thanh Hoa và Đại học Lingnan ở Hồng Kông, cũng như các liên doanh mới như Đại học Duke Kunshan hứa hẹn cách tiếp cận này. Tuy nhiên, các chương trình này chỉ dành cho một số ít sinh viên ở các trường ưu tú. Để đạt đến tiềm năng là một quốc gia dẫn đầu toàn cầu về LAS, chúng tôi khuyến cáo Trung Quốc nuôi dưỡng các dự án này và đầu tư vào các chương trình bổ sung, điều này sẽ tạo điều kiện để thử nghiệm và tiếp cận rộng hơn.
- **Tập trung ưu đãi và phát triển giảng viên:** Để giáo dục LAS đạt được kết quả, cần một cách tiếp cận giảng dạy mới. Nghiên cứu thực nghiệm cho thấy rằng học tập bằng cách lắng nghe và ghi nhớ mà không cần giải thích hoặc đánh giá phản biện, vẫn còn phổ biến ở các trường đại học Trung Quốc, cách giảng dạy học tập như vậy không đủ để đào tạo ra những người có óc sáng tạo và

phê phán. Tuy nhiên, điều đó cũng không đủ để khuyến khích tìm kiếm một phương pháp tiếp cận học tập mới. Để kích thích giảng viên giảng dạy khác đi cần phải có động lực thúc đẩy chất lượng giảng dạy và cần có chiến lược ưu tiên phát triển giảng viên cũng như đặt ra các yêu cầu nghiên cứu và xuất bản.

---

**Nền tảng địa phương đóng vai trò quan trọng trong việc kích thích một nền kinh tế đổi mới và nuôi dưỡng trong sinh viên tốt nghiệp ý thức nghề nghiệp và mục đích cộng đồng.**

---

- Nắm vững phương pháp sư phạm sáng tạo: Tập trung vào sư phạm liên quan đến việc dành nhiều sự chú ý đến cách sinh viên học tập. Điều này có nghĩa là huy động giảng viên tham gia vào quyết định họ muốn sinh viên làm được gì khi tốt nghiệp, và nuôi dưỡng tinh thần chia sẻ trách nhiệm để đạt được những kết quả này. Nó đòi hỏi một văn hoá thể chế rộng hơn, có tính sư phạm cao hơn để thử nghiệm các chiến lược mới và tích hợp các hoạt động học tập như một phương tiện trung tâm để phát triển trong sinh viên khả năng thích ứng, kỹ năng giải quyết vấn đề và làm việc nhóm.
- Xác định quy mô các chương trình chất lượng: cải cách LAS chỉ có giá trị nếu nó được phát triển với sự cam kết về chất lượng và cải tiến liên tục. Đồng thời, Trung Quốc có cơ hội hiếm có để xác định quy mô những cải cách LAS quan trọng khi giới thiệu những đổi mới này, một cơ hội không có ở Hoa Kỳ. Các yếu tố chính dẫn đến xác định quy mô bao gồm tận dụng công nghệ mới và phát triển mô hình mới cho giảng dạy có chất lượng, cả hai đều đòi hỏi đầu tư lớn, thử nghiệm sâu rộng và đánh giá cẩn thận. Nếu muốn đạt được một nền kinh tế doanh nghiệp sáng tạo và những công dân có ý thức cộng đồng, Trung Quốc cần ưu tiên cho sinh viên tiếp cận các cơ hội học tập LAS.

- Tìm hiểu nhiều truyền thống: Để thành công ở bất cứ đâu, cải cách LAS phải thích hợp với những đối thoại và điều kiện ở địa phương lẫn toàn cầu. Yêu cầu này cung cấp những cơ hội quan trọng để thúc đẩy đối thoại giữa các nền văn hóa Trung Quốc, phương Tây, và các nền văn hoá khác, để khám phá những đóng góp kiến thức đa dạng và xem xét chúng trong bối cảnh các cuộc tranh luận và những tình huống khó xử trên toàn thế giới. Trong khi chương trình giáo dục lấy văn hóa quốc gia làm nền tảng, việc đưa quan điểm của Trung Quốc vào đối thoại với quan điểm của Ấn Độ, Hồi giáo, Tây phương và các nền văn hoá khác là rất quan trọng đối với sự phát triển cá nhân và trí tuệ cũng như khả năng của sinh viên tham gia thành công vào một xã hội toàn cầu.

Những khuyến nghị này có ý nghĩa thiết thực với nhiều nước và với nội bộ Trung Quốc. Chúng nên được xem xét một cách toàn diện mà không chỉ như một phần tích hợp của triết học giáo dục toàn diện. Nhìn từ góc độ toàn cầu, Trung Quốc đang ở một vị thế đặc biệt có thể giới thiệu cho các nước khác những cách mới kết hợp triết lý LAS với giáo dục đại cương; các phương pháp để phát triển một nền giáo dục tích hợp liên ngành, liên chương trình (pha trộn các ngành và chương trình học); và phương tiện để tạo ra các phương pháp sư phạm sáng tạo đảm bảo chất lượng và sự tiếp cận. Tuy nhiên, không chiến lược LAS nào có thể thành công nếu không có một cuộc đối thoại mở về học thuật kết hợp nhiều quan điểm lịch sử và văn hoá. Mặc dù những bằng chứng gần đây cho thấy Trung quốc thử nghiệm giảng dạy nhiều hơn các khóa học tư tưởng, nhưng cũng có bằng chứng cho thấy chính phủ trung ương tăng cường giám sát nội dung và chương trình giảng dạy. Đưa ra những cách giải thích lịch sử khác nhau và giảng dạy vô số các truyền thống lịch sử phức tạp của Trung Quốc cũng như bên ngoài biên giới Trung quốc là một bước tiến quan trọng và là một cách thức tốt để Trung Quốc dẫn đầu trong những nước cải cách LAS, nơi nội dung học thuật bị kiểm soát chặt chẽ.

---



## Bảng xếp hạng quốc gia mới ở Ấn Độ

**N.V. Varghese**

*N.V. Varghese là Phó Hiệu trưởng và là Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu Chính sách về Giáo dục Đại học tại Đại học Quốc gia về Quy hoạch và Quản lý Giáo dục, New Delhi, Ấn Độ. E-mail: nv.varghese@nuepa.org. Liên kết đến Xếp hạng Ấn Độ: <https://www.nirfindia.org/ranking2017.html>*

Mặc dù bảng xếp hạng các trường đại học trên thế giới chỉ bao gồm một phần nhỏ các tổ chức giáo dục đại học, kết quả xếp hạng vẫn luôn gây sự chú ý và tranh luận trên toàn thế giới. Tuy nhiên, những kết quả này khá thường xuyên chỉ ra rằng những trường tốt nhất ở nhiều nước lại không tìm thấy một vị trí tương xứng trong bảng xếp hạng.

Rõ ràng rằng thứ hạng quốc tế góp phần thúc đẩy các quốc gia cạnh tranh để cải thiện vị trí của họ trong danh sách. Xếp hạng quốc tế cũng dẫn đến kết quả là nhiều quốc gia nỗ lực hơn trong mục tiêu giúp các trường đại học trong nước vươn đến đẳng cấp thế giới. Với các quốc gia mà hành trình này là quá dài và khó khăn thì xếp hạng quốc gia là lựa chọn bổ sung hoặc thay thế.

Các trường đại học Ấn Độ không xuất hiện ở các vị trí đầu bảng xếp hạng thế giới - một vấn đề được cả nước đặc biệt quan tâm. Phản ứng của chính phủ dường như được nhân đôi: một mặt thành lập các trường đại học danh giá đẳng cấp thế giới, mặt khác bắt đầu quá trình xếp hạng quốc gia. Khung Xếp hạng Tổ chức Quốc gia (NIRF) đã giúp triển khai lần xếp hạng đầu tiên ở Ấn Độ vào năm 2015.

### Khung và phương pháp xếp hạng

Tháng 8 năm 2014, Bộ Phát triển nguồn nhân lực đã tổ chức một hội thảo tham vấn và thành lập một Ủy ban để phát triển khung và phương pháp xếp hạng. Ủy ban này đã xác định một số lĩnh vực chính để xem xét trong khuôn khổ xếp hạng: nghiên cứu và thực hành chuyên môn; giảng dạy, học tập và tài nguyên; kết quả tốt nghiệp; phạm vi tiếp cận và đối tượng tuyển sinh; và mức độ nhận biết. Tuy nhiên, ủy ban cho rằng một khung xếp hạng duy nhất có cùng các chỉ số và trọng số sẽ là một ý tưởng không phù hợp cho một quốc gia như

Ấn Độ, với rất nhiều thể loại trường đại học. Ủy ban quyết định mỗi thể loại trường đại học phải có bảng xếp hạng riêng.

Ủy ban chia các tổ chức giáo dục đại học thành hai thể loại chính. Thể loại A bao gồm các trường đại học thuộc chính phủ trung ương, các trường đại học của tiểu bang, các trường đại học "được coi là đại học" (các tổ chức giáo dục đại học chuyên ngành có chất lượng cao), các trường đại học tư thục và các trường tự chủ khác. Thể loại B gồm các tổ chức liên kết với các trường đại học và không có quyền tự chủ trong học thuật, nên không thể tự phát triển chương trình giảng dạy và cấp bằng.

Các trường đại học và cao đẳng chuyên ngành kỹ thuật, quản lý và dược có khung và thông số xếp hạng riêng nhưng có thể so sánh được. Các lĩnh vực để xem xét xếp hạng là như nhau, nhưng mỗi thể loại sẽ được gán trọng số khác nhau tùy thuộc vào định hướng chính của các trường. Ví dụ, trong khi các trường thuộc thể loại A được gán trọng số lớn hơn cho lĩnh vực nghiên cứu, các trường thể chế loại B được gán trọng số lớn hơn cho việc giảng dạy.

### Nguồn dữ liệu và mức độ tham gia xếp hạng của các trường

Tham gia vào xếp hạng ở Ấn Độ là tự nguyện. Những cơ sở giáo dục đại học có hơn 1000 sinh viên có thể tham gia xếp hạng. Ngoại lệ đối với quy tắc này là các trường đào tạo chuyên ngành. Bảng xếp hạng năm 2017 có tổng cộng 3313 tổ chức giáo dục đại học tham gia. Nguồn dữ liệu về các ấn phẩm nghiên cứu sử dụng cho xếp hạng Ấn Độ là Chỉ số trích dẫn khoa học (SCI), Chỉ số trích dẫn khoa học xã hội (SSCI) và chỉ số trích dẫn nghệ thuật và nhân văn (A&HCI) được lưu trữ trên Web of Knowledge. Dữ liệu về giảng dạy, mức độ phủ rộng tuyển sinh, kết quả tốt nghiệp và mức độ nhận biết được lấy trực tiếp từ các tổ chức tham gia xếp hạng.

### Kết quả xếp hạng

Kết quả xếp hạng được công bố vào tháng 4 hàng năm, đến nay đã có kết quả của năm 2016 và 2017. Kết quả xếp hạng cho thấy một xu hướng thú vị. 10 tổ chức đứng đầu trong bảng xếp hạng của tất cả các thể loại hầu hết là các trường công. Ngoại lệ là ngành dược, với phần lớn là trường tư có số lượng sinh viên chiếm hơn 90% tổng số. Trong giáo

dục đại học đại cương, chỉ một trong 10 trường đứng đầu bảng là trường tư. Nhiều trường trong số đó, đặc biệt là các trường được trung ương tài trợ, nhận được mức tài trợ cao hơn; tuyển sinh dựa trên các bài kiểm tra nhập học; và các trường này được hưởng mức độ tự chủ cao hơn. Nói cách khác, các trường xếp hàng đầu trong danh sách NIRF thể hiện một số đặc điểm quan trọng của các trường đại học đẳng cấp thế giới theo định nghĩa của Jamil Salmi năm 2009.

---

### **Các biện pháp áp dụng để có được dữ liệu đáng tin cậy từ các tổ chức tham gia xếp hạng đường như có hiệu quả tốt ở Ấn Độ.**

---

Xem xét kết quả của 100 tổ chức giáo dục đại học đứng đầu bảng xếp hạng năm 2017, chúng ta chỉ thấy 3 trường đại học tư nhân xuất hiện trong danh sách. Gần 60% các trường xuất hiện trong danh sách 100 trường đứng đầu là các trường đào tạo chuyên ngành, và phần còn lại là các trường đại học và cao đẳng công lập (có ba trường đại học công lập). Các biến thể điểm số của 100 trường hàng đầu tiết lộ một số vấn đề. Trong khi điểm trung bình tổng thể tối đa là 83,28 trong 10 trường hàng đầu, nó giảm mạnh xuống còn 58,25 trong nhóm các trường tiếp theo (xếp hạng 11-20), thấp hơn điểm trung bình tối thiểu của 10 trường đầu. Trong hai lĩnh vực dạy và học, phạm vi tiếp cận và đối tượng tuyển sinh, điểm số trung bình tối đa có biên độ giao động ít, trái lại trong lĩnh vực nghiên cứu và mức độ nhận biết biên độ giao động là lớn nhất.

Kết quả xếp hạng bị chỉ trích ít hơn là dự đoán, một phần vì bản thân kết quả không bất ngờ. Một trong những lời chỉ trích chung cho tất cả các bảng xếp hạng là: quy mọi thông tin liên quan đến một trường đại học thành một con số là vô nghĩa. Một phê phán nghiêm trọng khác liên quan đến sự giao động vị trí của các tổ chức trong bảng xếp hạng năm 2016 và 2017. 47 trong số 100 trường đứng đầu trong năm 2017 là những trường mới tham gia, trong khi 35 trường đại học xếp hạng từ 50 đến 100 trong bảng xếp hạng năm 2016 đã biến mất khỏi danh sách năm 2017. Ngoài ra, một phê bình khác đặt câu hỏi về tính hữu ích của việc so sánh các tổ chức đơn ngành với các trường đại học đa ngành. Những lời chỉ trích này là xác đáng, và nó cũng

phản ánh những khó khăn trong giai đoạn đầu của hoạt động xếp hạng Ấn Độ.

### **Bài học từ Xếp hạng Ấn Độ**

Việc kiểm tra kỹ hơn các kết quả cho thấy rằng nghiên cứu và nhận biết là những lĩnh vực quan trọng cần xem xét để cải thiện vị trí của một trường trong bảng xếp hạng. Thật vậy, nghiên cứu là chìa khóa để thúc đẩy những thay đổi trong nhận biết. Vì vậy, nỗ lực để thành lập các trường đại học nghiên cứu và các trường đại học đẳng cấp thế giới có thể là một bước cần thiết để leo lên trong bảng xếp hạng toàn cầu.

Các biện pháp áp dụng để có được dữ liệu đáng tin cậy từ các trường tham gia xếp hạng đường như có hiệu quả tốt ở Ấn Độ. Cơ quan xếp hạng thực hiện kiểm tra ngẫu nhiên trên hồ sơ của các trường và các báo cáo kiểm toán. Dữ liệu gửi đến cổng NIRF được tải lên cho phép công chúng xem và giám sát công khai. Những trường có hành vi phi đạo đức trong việc cung cấp dữ liệu sẽ không được tham gia xếp hạng trong tương lai. Những biện pháp này buộc các trường cung cấp dữ liệu đáng tin cậy, cải thiện tính minh bạch và độ tin cậy của dữ liệu được sử dụng trong bảng xếp hạng NIRF.

Một kết quả tích cực của các nỗ lực xếp hạng ở nhiều quốc gia là làm nổi bật tầm quan trọng của các trường đại học nghiên cứu và sự cần thiết thành lập các trường đại học đẳng cấp thế giới. Ấn Độ có kế hoạch thành lập 20 trường đại học danh giá. Tuy nhiên, điều này không nên được xem là lựa chọn thay thế cho việc thúc đẩy nghiên cứu trong các tổ chức giáo dục đại học hiện có. Xếp hạng không phải là một thay thế có thể cải thiện chất lượng tổng thể của ngành, bởi vì phần lớn các tổ chức giáo dục đại học không tham gia vào xếp hạng. Thay vì trông chờ vào bảng xếp hạng, Ấn Độ cần tăng nguồn tài trợ công cho giáo dục đại học và áp dụng các chiến lược hiệu quả để thúc đẩy nghiên cứu và cải thiện việc dạy và học trong các cơ sở giáo dục đại học kém chất lượng đang chiếm phần lớn.

---

---



---

**ẤN PHẨM MỚI**


---

Breaden, Jeremy. *Articulating Asia in Japanese Higher Education: Policy, Partnership and Mobility*. London, UK: Routledge, 2018. 144 pp. \$140.00 (hb). Website: [www.routledge.com](http://www.routledge.com)

Broughan, Christine, ed. *Global Perspectives on Teaching Excellence: A New Era for Higher Education*. London, UK: Routledge, 2018. 204 pp. \$140 (hb). Website: [www.routledge.com](http://www.routledge.com)

Crompton, Helen, and John Traxler, eds. *Mobile Learning and Higher Education: Challenges in Context*. New York, NY: Routledge, 2018. 210 pp. \$49.95 (pb). Website: [www.routledge.com](http://www.routledge.com)

Curry, Mary Jane, and Theresa Lillis. *Global Academic Publishing: Policies, Perspectives and Pedagogies*. Bristol, UK: Multilingual Matters, 2017. 296 pp. \$49.95 (pb). Website: [www.multilingual-matters.com](http://www.multilingual-matters.com)

Dassin, Joan R., Robin R. Marsh, and Matt Mawer, eds. *International Scholarships in Higher Education: Pathways to Social Change*. London, UK: Palgrave Macmillan, 2017. 407 pp. \$139.00 (hb). Website: [www.palgrave.com](http://www.palgrave.com)

Gertz, SunHee Kim, Betsy Huang, and Lauren Cyr, eds. *Diversity and Inclusion in Higher Education and Societal Contexts: International and Interdisciplinary Approaches*. London, UK: Palgrave Macmillan, 2018. 370 pp. 114.39 (hb). Website: [www.palgrave.com](http://www.palgrave.com)

Gourlay, Lesley, and Martin Oliver. *Student Engagement in the Digital University Sociomaterial Assemblages*. London, UK: Routledge, 2018. 164 pp. \$47.95 (pb). Website: [www.routledge.com](http://www.routledge.com)

Grawe, Nathan D. *Demographics and the Demand for Higher Education*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 192 pp. \$39.95 (hb). Website: [jhupbooks.press.jhu.edu](http://jhupbooks.press.jhu.edu)

Kelchen, Robert. *Higher Education Accountability*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 272 pp. \$39.95 (hb). Website: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu)

Kumar, Krishna, ed. *Routledge Handbook of Education in India: Debates, Practices, and Policies*. London, UK: Routledge, 2018. 301 pp. 175.00 (hb). Website: [www.routledge.com](http://www.routledge.com)

Liston, Rebecca, and Regina Rahimi, eds. *Promoting Social Justice through the Scholarship of Teaching and Learning*. Bloomington, IN: Indiana University Press, 2017. \$40.00 (pb). Website: <http://www.iupress.indiana.edu>

Marshall, Stephen James. *Shaping the University of the Future: Using Technology to Catalyse Change in University Learning and Teaching*. Singapore: Springer, 2018. 592 pp. \$159 (hb). Website: [www.springer.com](http://www.springer.com)

Mitchell, Brian C., and W. Joseph King. *How to Run a College: A Practical Guide for Trustees, Faculty, Administrators, and Policymakers*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 216 pp. \$27.95 (pb). Website: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu)

Mittelman, James H. *Implausible Dream: The World-Class University and Repurposing Higher Education*. Princeton, NJ: Princeton University Press, 2017. 288 pp. \$39.50 (hb). Website: [press.princeton.edu](http://press.princeton.edu)

Owen-Smith, Patricia. *The Contemplative Mind in the Scholarship of Teaching and Learning*. Bloomington, IN: Indiana University Press, 2017. 154 pp. \$28.00 (pb). Website: <http://www.iupress.indiana.edu>

Postiglione, Gerard A., and Jisun Jung, eds. *The Changing Academic Profession in Hong Kong: Challenges and Future*. Singapore: Springer International Publishing, 2017. 217 pp. \$99 (hb). Website: [www.springer.com](http://www.springer.com)

Scott, Robert A. *How University Boards Work*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 224 pp. \$27.95 (pb). Website: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu)

Sivasubramaniam, Malini, and Ruth Hayhoe, eds. *Religion and Education: comparative and international perspectives*. Oxford, UK: Symposium Books, 2018. 388 pp. 52.00 (pb). Website: <http://www.symposium-books.co.uk>

Tierney, William G., Zo B. Corwin, and Amanda Ochsner, eds. *Diversifying Digital Learning: Online Literacy and Educational Opportunity*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 232 pp. \$44.95 (hb). Website: [jhupbooks.press.jhu.edu](http://jhupbooks.press.jhu.edu)

Varghese, N. V., Nidhi S. Sabharwal, and C. M. Malish, eds. *India Higher Education Report, 2016: Equity*. Thousand Oaks, CA: Sage publications, 2018. 452 pp. \$59.99 (hb). Website: [www.sagepublishing.com](http://www.sagepublishing.com)

Walenkamp, Jos, and Jos Beelen, eds. *All the World's a Stage Pilot studies on internationalising higher professional education*. The Hague, Netherlands: Eburon Publishers, 2017. 207 pp. 34.75 (pb). Website: [eburon.nl](http://eburon.nl)

Wilkins, Stephen, ed. "The management of transnational higher education." *International Journal of Educational Management*, Vol. 32, Issue no. 2. Website: <http://www.emeraldinsight.com/toc/ijem/32/2>

Zemsky, Robert, and Susan Shaman. *The Market Imperative: Segmentation and Change in Higher Education*. Baltimore, MD: Johns Hopkins University Press, 2018. 152 pp. \$29.95 (hb). Website: [www.press.jhu.edu](http://www.press.jhu.edu)

---



---

**Ấn phẩm mới từ Trung tâm Giáo dục Đại học Quốc tế CIHE**

Laura E. Rumbley, H el ene Bernot Uller, Edward Choi, Lisa Unangst, Ayenachew Aseffa Woldegiyorgis, Hans de Wit, and Philip G. Altbach. *State of Play: Higher Education Management Training Schemes in the Field of Development Cooperation*, published in 2017. [http://www.bc.edu/content/dam/files/research\\_sites/cihe/pubs/CIHE%20Perspective/CIHE%20Perspectives%207\\_26NOV2017.pdf](http://www.bc.edu/content/dam/files/research_sites/cihe/pubs/CIHE%20Perspective/CIHE%20Perspectives%207_26NOV2017.pdf)

Kara Godwin and Noah Pickus. *Liberal Arts & Sciences Innovation in China: Six Recommendations to Shape the Future*, published in 2017. [http://www.bc.edu/content/dam/files/research\\_sites/cihe/pubs/CIHE%20Perspective/CIHE%20Perspectives%208\\_ENGLISH\\_13NOV2017.pdf](http://www.bc.edu/content/dam/files/research_sites/cihe/pubs/CIHE%20Perspective/CIHE%20Perspectives%208_ENGLISH_13NOV2017.pdf)

Robin Matross Helms and Laura E. Rumbley, eds. *International Briefs for Higher Education Leaders*, No. 7: "Mapping Internationalization Globally: National Profiles and Perspectives," published in 2018. <http://www.bc.edu/content/dam/bc1/schools/Isoc/sites/cihe/ACE/ACE-CIHE%20Brief%207%20-%20Mapping%20Internationalization%2024Jan2018.pdf>

Hans de Wit and Laura E. Rumbley. *Professional Development in International Education. The Example of the Boston College MA in International Higher Education*, published in 2017. <https://www.handbook-internationalisation.com/en/handbuch/gliederung/#/Beitragsdetailansicht/174/1787/Professional-Development-in-International-Education---The-Example-of-the-Boston-College-MA-in-International-Higher--Education>

Philip G. Altbach, Liz Reisberg, Jamil Salmi, and Isak Froumin, eds. *Accelerated Universities: Ideas and Money Combine to Build Academic Excellence*, in publication 2018. <http://www.brill.com/products/book/accelerated-universities>



### Cơ hội học tập ở Hàn Quốc, nhận 2 bằng đại học cho sinh viên FPT

*Buổi làm việc giữa ĐH Kangnam (Hàn Quốc) và ĐH FPT diễn ra sáng 17/05 đã làm rõ các nội dung hợp tác đào tạo và thúc đẩy cơ hội học tập ở Hàn Quốc trong 2 năm, nhận bằng cử nhân của cả ĐH Kangnam và ĐH FPT, dự kiến cho sinh viên 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và Văn hóa Hàn Quốc.*

Tập trung vào mảng hợp tác đào tạo quốc tế giữa ĐH Kangnam với ĐH FPT và rộng ra là giữa hai nền giáo dục Hàn Quốc – Việt Nam, buổi làm việc của đại diện hai trường xoay quanh 4 vấn đề trọng tâm: Chương trình hợp tác đào tạo 2+2, trao đổi sinh viên Việt Nam sang nước ngoài, thành lập trung tâm đào tạo tiếng Hàn Quốc (dự kiến tại Cần Thơ) và hợp tác tuyển sinh sinh viên Việt Nam học tiếng Hàn dự bị đại học tại ĐH Kangnam.

Trong đó, chương trình hợp tác đào tạo 2+2 giữa ĐH Kangnam và ĐH FPT là nội dung thảo luận trọng tâm. Dự kiến, đây là chương trình cho phép sinh viên 2 chuyên ngành Ngôn ngữ Hàn Quốc và Văn hóa Hàn Quốc học tập 5 học kỳ (tương đương 2 năm) tại ĐH FPT sau đó chuyển sang học tập tại ĐH Kangnam trong vòng 2 năm tiếp theo. Tốt nghiệp, sinh viên được nhận 2 bằng cử nhân của ĐH FPT và ĐH Kangnam.

Sau chuyến thăm và làm việc tại campus Hòa Lạc, ĐH Kangnam và ĐH FPT sẽ tiếp tục có những trao đổi sâu rộng về các chương trình hợp tác đào tạo quốc tế thông qua kênh email và văn bản chính thức trong thời gian tới.



*ĐH Kangnam tới thăm và làm việc tại ĐH FPT về chương trình hợp tác đào tạo*

### ĐH FPT chính thức triển khai 2 chương trình đào tạo quốc tế tại Lào

*Ngày 08/05, Trường Đại học FPT phối hợp với Sengsavanh College tổ chức lễ công bố chương trình đào tạo quốc tế cho hai ngành học Kỹ thuật phần mềm và Quản trị Kinh doanh (chuyên sâu Thương mại điện tử) tại CHDCND Lào. Với công bố này, Đại học FPT trở thành trường đại học nước ngoài đầu tiên tại Lào có chương trình đào tạo quốc tế được dạy bằng 3 ngôn ngữ: Anh – Lào và tiếng Việt/ tiếng Trung hoặc tiếng Nhật.*

Công bố tại buổi lễ, hai chương trình đào tạo quốc tế bậc Cử nhân ngành Kỹ thuật phần mềm và Quản trị Kinh doanh tại CHDCND Lào chính thức được triển khai cho năm học 2018. Đối tượng của hai chương trình này là những thí sinh đáp ứng đủ điều kiện ứng tuyển bậc đại học theo quy định của CHDCND Lào và điều kiện tuyển sinh đầu vào của chương trình.

Trường Đại học FPT chịu trách nhiệm về toàn bộ chương trình đào tạo, nguồn giảng viên và giáo trình. Sengsavanh College sẽ đảm nhiệm việc đáp ứng cơ sở vật chất cũng như nguồn lực vận hành các hoạt động ngoài giảng dạy. Các cử nhân tốt nghiệp 2 chương trình đào tạo này sẽ nhận bằng của Trường Đại học FPT và được sự công nhận của Bộ Giáo dục và Đào tạo CHDCND Lào.

Việc triển khai 2 chương trình đào tạo này cũng nằm trong chiến lược Quốc tế hoá giáo dục của Tổ chức Giáo dục FPT – FPT Edu.



*Dr. Khamseen - Chủ tịch Sengsavanh College (thứ 4 từ trái sang) tặng quà cho các khách tham dự Lễ Công bố*



## **Giáo dục Đại học Quốc tế**

### *International Higher Education*

<b>Tổng biên tập:</b> Philip G. Altbach	<b>Chịu trách nhiệm về bản tiếng Việt:</b> Lê Trường Tùng
<b>Phó tổng biên tập:</b> Laura E. Rumbley Hans de Wit	<b>Dịch và biên tập:</b> Nguyễn Khắc Thành Nguyễn Kim Ánh Nguyễn Thành Nam Trần Ngọc Tuấn Đỗ Thuý Uyên
<b>Phát hành:</b> Edith S. Hoshino Hélène Bernot Ullerö	<b>Thư ký:</b> Lê Thị Loan
<b>Trợ lý biên tập:</b> Salina Kopellas	<b>Thiết kế bản in và Web:</b> Vũ Thị Ngọc Ánh Nguyễn Thị Thu Nga Cao Diệu Linh

**Văn phòng:**  
Center for International Higher Education, Campion Hall,  
Boston College, Chestnut Hill, MA 02467, USA, Tel: (617)  
552-4236, Fax: (617) 552-8422, E-mail: [highered@bc.edu](mailto:highered@bc.edu),  
<http://www.bc.edu/cihe>

*Hoan nghênh các thư từ, ý tưởng thể hiện qua bài viết và báo cáo. Xin vui lòng gửi bài viết qua e-mail tới [highered@bc.edu](mailto:highered@bc.edu), với thông tin về vị trí công việc (sinh viên đại học, giáo sư, quản trị giáo dục, hoạch định chính sách, v.v...) cùng lĩnh vực quan tâm và chuyên môn của bạn. Không phải trả phí.*

ISSN: 1084-0613 (bản in tiếng Anh)  
© Center for International Higher Education

**Văn phòng:**  
Trường Đại học FPT,  
Khu Giáo dục và Đào tạo, Khu CNC Hòa Lạc, Thạch Thất,  
Hà Nội.  
E-Mail: [ihe@fpt.edu.vn](mailto:ihe@fpt.edu.vn), <http://ihe.fpt.edu.vn>  
Điện thoại: 024.7300 5588  
© Trường Đại học FPT

In 1.000 bản, mỗi bản 40 trang, khổ 19x27cm, tại Công ty Cổ phần khoa học và công nghệ Hoàng Quốc Việt  
VPGD: Số 18, phố Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội  
Xưởng in: Số 55 Ngõ 163 phố Cầu Cốc, Phường Tây Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội  
Giấy phép xuất bản đặc san số 74/GP-XBDS cấp ngày 04/5/2018  
In xong và nộp lưu chiểu Quý II năm 2018

